

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 1 NĂM 2026

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH VÀ BÀN THI THỰC HÀNH
KỲ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 1 NĂM 2026 KHU VỰC PHÍA NAM**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 27/TB-HĐKT ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng kiểm tra)

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 1 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.2 - Từ SBD 0001 đến 0025)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Khả	Ái	08/07/2001	TP.HCM	0001	
2	Nguyễn Hoàng	An	20/10/1974	Vĩnh Long	0002	
3	Nguyễn Thị Phương	An	28/04/2000	TP.HCM	0003	
4	Nguyễn Thị Thúy	An	01/08/1999	TP.HCM	0004	
5	Nguyễn Thúy	An	12/07/1997	TP.HCM	0005	
6	Nguyễn Thúy	An	26/02/1996	TP.HCM	0006	
7	Nguyễn Văn	An	27/09/1998	TP.HCM	0007	
8	Hồ Thị Trinh	Ân	17/04/2000	Tây Ninh	0008	
9	Huỳnh Văn	Ân	10/04/1997	Đà Nẵng	0009	
10	Ngô Thiện	Ân	20/11/1999	TP.HCM	0010	
11	Võ Hoàng	Ân	28/08/1995	TP.HCM	0011	
12	Trần Văn	Ân	23/09/1992	Cần Thơ	0012	
13	Đặng Ngọc Quỳnh	Anh	04/02/2000	Vĩnh Long	0013	
14	Đặng Phương	Anh	19/09/1996	Cà Mau	0014	
15	Đỗ Hoàng	Anh	06/03/1996	Đắk Lắk	0015	
16	Đỗ Tiến	Anh	06/03/1999	Đắk Lắk	0016	
17	Dương Thị Hoài	Anh	01/01/2000	TP.HCM	0017	

18	Hà Thị Vân	Anh	01/05/1985	TP. Hà Nội	0018	
19	Khổng Quỳnh	Anh	27/12/1996	TP.HCM	0019	
20	Lê Công Tuấn	Anh	21/04/2000	TP.HCM	0020	
21	Lê Doãn Mai	Anh	01/10/1975	TP.HCM	0021	
22	Lê Hồng	Anh	25/04/1977	TP.HCM	0022	
23	Lê Tuấn	Anh	07/01/1998	TP.HCM	0023	
24	Nguyễn Hữu	Anh	05/02/1985	TP.HCM	0024	
25	Nguyễn Lê Phương	Anh	01/03/1994	TP.HCM	0025	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 2 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.4 - Từ SBD 0026 đến 0050)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc	Anh	04/10/2001	TP.HCM	0026	
2	Nguyễn Ngọc Quế	Anh	27/09/2000	TP.HCM	0027	
3	Nguyễn Thị Hồng	Anh	05/04/1999	TP.HCM	0028	
4	Nguyễn Thị Kiều	Anh	14/10/1989	TP.HCM	0029	
5	Nguyễn Thị Kim	Anh	28/09/2000	TP.HCM	0030	
6	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/09/1998	TP.HCM	0031	
7	Nguyễn Thị Lan	Anh	03/03/2001	Đà Nẵng	0032	
8	Nguyễn Thị Mai	Anh	10/04/1999	TP.HCM	0033	
9	Nguyễn Thị Minh	Anh	05/11/2000	TP.HCM	0034	
10	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/04/2000	TP.HCM	0035	
11	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/12/1981	TP.HCM	0036	
12	Nguyễn Trang	Anh	26/10/2000	TP.HCM	0037	
13	Nguyễn Tuấn	Anh	08/05/1997	TP.HCM	0038	

14	Nguyễn Tuấn	Anh	04/05/1997	Đồng Nai	0039	
15	Nguyễn Văn	Anh	10/06/1979	Đắk Lắk	0040	
16	Phạm Ngọc Ngân	Anh	25/08/2001	TP.HCM	0041	
17	Phạm Thị Phương	Anh	10/07/1992	TP.HCM	0042	
18	Phan Dương Hoàng	Anh	07/05/2000	TP.HCM	0043	
19	Thái Thị Hoàng	Anh	20/05/1996	TP.HCM	0044	
20	Trần Duy	Anh	18/02/2001	TP.HCM	0045	
21	Trần Duy	Anh	11/02/1994	TP.HCM	0046	
22	Trần Lê Vân	Anh	26/10/1995	TP.HCM	0047	
23	Trần Thị Trâm	Anh	16/03/1997	Cà Mau	0048	
24	Trịnh Quang Trí	Anh	01/01/1997	TP.HCM	0049	
25	Trịnh Thu	Anh	14/09/1986	TP.HCM	0050	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 3 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.1 - Từ SBD 0051 đến 0075)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trương Văn	Anh	14/01/2000	TP.HCM	0051	
2	Võ Thị Quế	Anh	16/02/1996	TP.HCM	0052	
3	Võ Thị Trâm	Anh	24/04/2000	TP.HCM	0053	
4	Võ Tiến	Anh	28/11/1986	TP.HCM	0054	
5	Võ Trương Ngọc	Anh	06/11/1997	Lâm Đồng	0055	
6	Võ Tuấn	Anh	19/10/1984	Cần Thơ	0056	
7	Vũ Thị	Anh	29/08/1996	TP.HCM	0057	
8	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	28/12/1999	TP.HCM	0058	
9	Nguyễn Thị	Ánh	13/06/2000	Đà Nẵng	0059	

10	Trịnh Thị	Ánh	26/06/2000	Đắk Lắk	0060	
11	Danh	Bằng	20/02/1982	Cần Thơ	0061	
12	Phan Công	Bằng	22/12/1975	Vĩnh Long	0062	
13	Lương Gia	Bảo	08/12/2000	TP.HCM	0063	
14	Nguyễn Đại	Bảo	02/05/1997	TP.HCM	0064	
15	Nguyễn Gia	Bảo	10/10/1996	TP.HCM	0065	
16	Nguyễn Quốc	Bảo	14/10/2000	TP.HCM	0066	
17	Mai Văn	Bé	01/01/1988	Cà Mau	0067	
18	Huỳnh Thái	Bền	01/06/1996	TP.HCM	0068	
19	Phan Xuân	Bính	16/01/1976	Đồng Nai	0069	
20	Huỳnh Chí	Bình	10/07/1963	TP.HCM	0070	
21	Lê Thị	Bình	02/01/1985	TP.HCM	0071	
22	Phạm Quốc	Bình	18/03/1991	TP.HCM	0072	
23	Vũ Văn	Bình	09/07/1985	Đồng Nai	0073	
24	Trần Văn	Bộ	20/12/1983	Đồng Nai	0074	
25	K'	BRÍSS	01/10/1988	TP.HCM	0075	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 4 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.1 - Từ SBD 0076 đến 0100)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	Cảm	23/09/1979	Lâm Đồng	0076	
2	Nguyễn Văn	Cảm	26/04/1969	TP.HCM	0077	
3	Nguyễn Hương Hồng	Cảm	11/01/2001	TP.HCM	0078	
4	Vũ Thị	Cảm	04/01/1984	TP.HCM	0079	
5	Vỏ Văn	Cản	05/01/2000	TP.HCM	0080	

6	Nguyễn Quốc	Cần	30/12/1992	TP.HCM	0081	
7	Lê Tấn	Cảnh	05/08/1998	TP.HCM	0082	
8	Phan Trọng	Cầu	22/01/1956	TP.HCM	0083	
9	Trần Võ Hữu	Chánh	07/12/1993	TP.HCM	0084	
10	Cộng Bảo	Châu	08/05/1999	Đồng Nai	0085	
11	Huỳnh Ngọc	Châu	21/11/2000	TP.HCM	0086	
12	Lê Ngọc	Châu	03/06/2000	TP.HCM	0087	
13	Nguyễn Thị Minh	Châu	25/05/1965	Cần Thơ	0088	
14	Phạm Trương Ngọc	Châu	07/10/1998	TP.HCM	0089	
15	Phan Lương Đăng	Châu	27/03/1999	TP.HCM	0090	
16	Trương Hồng Minh	Châu	19/09/1997	TP.HCM	0091	
17	Trương Minh	Châu	26/12/2000	TP.HCM	0092	
18	Huỳnh Thị Kim	Chi	05/01/1991	TP.HCM	0093	
19	Nguyễn Thị Minh	Chi	06/05/1996	TP.HCM	0094	
20	Nguyễn Trúc	Chi	19/01/1968	TP.HCM	0095	
21	Quách Thị Ngọc	Chi	05/05/1998	Vĩnh Long	0096	
22	Vũ Thị Quyên	Chi	08/09/1997	Đắk Lắk	0097	
23	Bùi Minh	Chiến	21/05/1997	TP.HCM	0098	
24	Bùi Ngọc	Chiến	18/05/1986	TP.HCM	0099	
25	Phạm Thế	Chiến	08/01/1994	Đồng Nai	0100	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 5 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.3 - Từ SBD 0101 đến 0125)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Ngô	Chín	11/12/1962	TP.HCM	0101	

2	Đặng Trường	Chinh	01/01/1974	TP.HCM	0102	
3	Đoàn Công	Chính	29/08/1994	TP.HCM	0103	
4	Trần Việt	Chung	19/05/1994	Đồng Nai	0104	
5	Đoàn Đình	Chương	16/09/1979	Đà Nẵng	0105	
6	Lê Dương Đình	Chương	22/04/1986	TP.HCM	0106	
7	Phạm Trần Vũ	Chương	05/01/1991	Đồng Nai	0107	
8	Nguyễn Minh	Cơ	08/07/1996	TP.HCM	0108	
9	Huỳnh Bá	Công	12/05/1980	Cần Thơ	0109	
10	Nguyễn Kim	Cúc	03/06/2000	TP.HCM	0110	
11	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	26/01/1981	TP.HCM	0111	
12	Nguyễn Thị	Cương	13/12/1992	TP.HCM	0112	
13	Nguyễn Việt	Cương	23/09/1983	TP.HCM	0113	
14	Đỗ Trần Duy	Cường	03/07/1991	TP.HCM	0114	
15	Lê Văn	Cường	19/02/1980	Cần Thơ	0115	
16	Nguyễn Hữu Mạnh	Cường	12/10/2000	TP.HCM	0116	
17	Nguyễn Mạnh	Cường	24/09/1989	Quảng Trị	0117	
18	Nguyễn Văn	Cường	15/04/1989	TP.HCM	0118	
19	Phạm Hùng	Cường	22/09/1991	TP.HCM	0119	
20	Tạ Minh	Cường	09/09/2000	TP.HCM	0120	
21	Trương Mạnh	Cường	24/10/1982	TP.HCM	0121	
22	Lê Tuyết Phương	Đài	13/09/2000	TP.HCM	0122	
23	Lê Văn	Đài	09/01/1991	Cần Thơ	0123	
24	Vũ Thành	Đài	15/06/2000	TP.HCM	0124	
25	Châu Thị Thúy	Dàng	20/03/1996	TP.HCM	0125	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 6 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 1.3 - Từ SBD 0126 đến 0150)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Hoa	Đặng	22/09/2000	TP.HCM	0126	
2	Nguyễn Văn Hải	Đặng	03/12/1998	TP.HCM	0127	
3	Nguyễn Thanh	Đặng	04/01/1985	An Giang	0128	
4	Hồ Ngọc	Danh	21/02/2000	Đắk Lắk	0129	
5	Trần Công	Danh	03/11/1992	TP.HCM	0130	
6	Đình Quỳnh	Dao	21/04/2001	Vĩnh Long	0131	
7	Huỳnh Thị	Đào	08/08/1999	TP.HCM	0132	
8	Nguyễn Anh	Đào	01/01/1982	TP.HCM	0133	
9	Thái Anh	Đào	14/08/1982	TP.HCM	0134	
10	Cao Văn	Đạt	02/07/1994	TP.HCM	0135	
11	Hà Phúc	Đạt	10/02/2000	Cà Mau	0136	
12	Lê Quang	Đạt	08/01/1998	TP.HCM	0137	
13	Lý Thành	Đạt	08/06/2001	Tây Ninh	0138	
14	Nguyễn Bá	Đạt	15/08/1989	Cần Thơ	0139	
15	Nguyễn Tấn	Đạt	03/10/1999	TP.HCM	0140	
16	Nguyễn Tấn	Đạt	31/07/1995	TP.HCM	0141	
17	Nguyễn Tấn	Đạt	17/12/1970	TP. Hà Nội	0142	
18	Nguyễn Thành	Đạt	20/07/2000	TP.HCM	0143	
19	Nguyễn Thành	Đạt	04/01/2000	TP.HCM	0144	
20	Nguyễn Tiến	Đạt	13/08/1993	TP.HCM	0145	
21	Phan Tuấn	Đạt	01/09/1999	TP.HCM	0146	
22	Trần Tấn	Đạt	02/07/1996	Cần Thơ	0147	
23	Nguyễn Văn	Đấu	04/03/1992	Cần Thơ	0148	

24	Nguyễn Vĩnh	Đầy	01/01/1984	Vĩnh Long	0149	
25	Lê Thị	Đẹp	12/11/1999	Cà Mau	0150	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 7 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.2 - Từ SBD 0151 đến 0175)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Bùi Hoài	Diễm	28/02/1999	TP.HCM	0151	
2	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	01/10/1994	Tây Ninh	0152	
3	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	08/05/1992	TP.HCM	0153	
4	Tôn Nữ Quý	Diễm	27/04/1996	TP.HCM	0154	
5	Võ Thị Thu	Diễm	04/07/1996	Đà Nẵng	0155	
6	Nguyễn Thị Như	Diễm	05/06/1999	TP.HCM	0156	
7	Dương Nhật	Điền	10/10/1987	Đồng Tháp	0157	
8	Hồ Vũ Minh	Điền	02/05/1995	TP.HCM	0158	
9	Nguyễn Anh	Điền	12/02/1997	Đồng Tháp	0159	
10	Nguyễn Nhật Huyền	Diệp	07/11/2001	TP.HCM	0160	
11	Đỗ Xuân	Diệu	20/12/1996	Đồng Nai	0161	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	30/07/1993	TP.HCM	0162	
13	Trần Quang	Diệu	18/09/1989	TP.HCM	0163	
14	Lưu Bích	Dinh	24/05/1975	TP.HCM	0164	
15	Tôn Thất	Đính	17/09/1992	TP.HCM	0165	
16	Trần Hoàng	Do	21/05/1977	Cà Mau	0166	
17	Châu Phi	Đô	09/07/1967	Cà Mau	0167	
18	Tấn Trúc Hạnh	Đoan	13/11/2000	TP.HCM	0168	
19	Trần Văn	Đông	30/04/1968	Cà Mau	0169	

20	Lê Ngọc	Đông	08/04/1994	Đắk Lắk	0170	
21	Nguyễn Thành	Đông	01/05/1983	TP.HCM	0171	
22	Huỳnh Thị	Đủ	24/03/1991	Cần Thơ	0172	
23	Cao Văn	Đức	01/11/2000	TP.HCM	0173	
24	Huỳnh Hữu	Đức	13/09/1999	TP.HCM	0174	
25	Lê Minh	Đức	19/02/2000	TP.HCM	0175	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 8 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.4 - Từ SBD 0176 đến 0200)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Anh	Đức	17/07/1985	Tây Ninh	0176	
2	Nguyễn Hữu Minh	Đức	06/02/1981	TP.HCM	0177	
3	Trần Ngọc	Đức	24/02/1997	TP.HCM	0178	
4	Bùi Thị Ngọc	Dung	25/10/2000	TP.HCM	0179	
5	Lê Phạm Quỳnh	Dung	05/01/1999	TP.HCM	0180	
6	Nguyễn Diệp Hạnh	Dung	04/10/1999	TP.HCM	0181	
7	Nguyễn Thị	Dung	22/08/1995	TP.HCM	0182	
8	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	11/03/2000	TP.HCM	0183	
9	Nguyễn Thị Phương	Dung	02/09/1991	TP.HCM	0184	
10	Nguyễn Thị Phương	Dung	28/09/1998	Đắk Lắk	0185	
11	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/09/2000	TP.HCM	0186	
12	Trần Hoàng Phương	Dung	21/04/1999	Đồng Nai	0187	
13	Đỗ Quốc	Dũng	23/09/1997	TP.HCM	0188	
14	Duy Trí	Dũng	28/12/2001	Đà Nẵng	0189	
15	Hà Xuân	Dũng	12/03/1989	TP.HCM	0190	

VIỆT
NAM

16	Lê Anh	Dũng	07/12/1972	TP.HCM	0191	
17	Lê Sỹ	Dũng	13/05/2000	TP.HCM	0192	
18	Nguyễn Quốc	Dũng	22/08/1995	TP.HCM	0193	
19	Nguyễn Văn	Dũng	19/03/1984	TP.HCM	0194	
20	Phạm Tiên	Dũng	23/09/1987	TP.HCM	0195	
21	Phạm Tiên	Dũng	03/10/1978	TP.HCM	0196	
22	Phan Minh	Dũng	14/09/1995	TP.HCM	0197	
23	Phan Tiên	Dũng	12/07/2000	Đồng Nai	0198	
24	Phan Văn	Dũng	25/12/2001	TP.HCM	0199	
25	Trần Quốc	Dũng	26/03/1971	TP.HCM	0200	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 9 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.6 - Từ SBD 0201 đến 0225)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trương Quốc	Dũng	02/01/1973	Đồng Nai	0201	
2	Dương Ngọc Thùy	Dương	01/01/1996	TP.HCM	0202	
3	Lê Thùy	Dương	04/06/1994	TP.HCM	0203	
4	Mai Đình	Dương	18/06/1986	TP.HCM	0204	
5	Ngô Minh	Dương	01/01/1992	TP.HCM	0205	
6	Ngô Thị Thùy	Dương	09/12/2000	TP.HCM	0206	
7	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	19/03/1998	TP.HCM	0207	
8	Nguyễn Thế	Dương	06/09/1989	TP.HCM	0208	
9	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	04/12/2000	TP.HCM	0209	
10	Phạm Thị Thùy	Dương	13/06/1991	Đồng Nai	0210	
11	Tô Quang	Dương	02/08/1997	TP.HCM	0211	

12	Trần Quốc	Dương	12/05/1999	TP.HCM	0212	
13	Phạm Thị	Dương	12/10/1991	TP.HCM	0213	
14	Bùi Đăng	Duy	06/10/1984	Đồng Nai	0214	
15	Đinh Nguyễn Lâm	Duy	01/04/1980	TP.HCM	0215	
16	Huỳnh Yến	Duy	14/03/2000	Cần Thơ	0216	
17	Mai Lê	Duy	09/05/1997	Cần Thơ	0217	
18	Nguyễn Nhật	Duy	15/03/2000	Đà Nẵng	0218	
19	Nguyễn Vũ Khánh	Duy	06/10/1996	Vĩnh Long	0219	
20	Thái Minh	Duy	02/05/1982	TP.HCM	0220	
21	Trần Phước	Duy	26/04/1997	TP.HCM	0221	
22	Vòng Lập	Duy	09/06/1994	TP.HCM	0222	
23	Đông Trần Thị Thảo	Duyên	23/07/1995	TP.HCM	0223	
24	Dương Nguyễn Nhã	Duyên	10/08/1995	Vĩnh Long	0224	
25	Lê Thị Mỹ	Duyên	04/12/1995	TP.HCM	0225	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 10 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.1 - Từ SBD 0226 đến 0250)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Ngô Thị	Duyên	02/10/1992	TP.HCM	0226	
2	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	11/03/1993	TP.HCM	0227	
3	Nguyễn Thảo	Duyên	17/07/2000	TP.HCM	0228	
4	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	19/09/1987	Cần Thơ	0229	
5	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04/04/2000	TP.HCM	0230	
6	Phan Thị Mỹ	Duyên	16/09/2001	Đồng Nai	0231	
7	Trần Thị Kim	Duyên	15/02/1999	TP.HCM	0232	

8	Vũ Thị Kiều	Duyên	27/04/1995	TP.HCM	0233	
9	Huỳnh Công	Ga	29/05/1974	Đồng Tháp	0234	
10	Trần Thị Hồng	Gám	18/08/1986	TP.HCM	0235	
11	Chu Trường	Giang	11/04/1998	TP.HCM	0236	
12	Lê Thị Hương	Giang	10/03/1986	Đắk Lắk	0237	
13	Nguyễn Hoài	Giang	08/05/1986	Cần Thơ	0238	
14	Nguyễn Hương	Giang	30/09/1995	TP.HCM	0239	
15	Nguyễn Nhật Phương	Giang	25/05/1987	TP.HCM	0240	
16	Nguyễn Trịnh Nhật	Giang	25/08/1991	TP.HCM	0241	
17	Nguyễn Trường	Giang	16/07/1993	An Giang	0242	
18	Phan Khánh	Giang	15/03/1999	TP.HCM	0243	
19	Phan Thị Hương	Giang	25/12/1995	TP.HCM	0244	
20	Trần Hoài	Giang	04/08/1979	TP. Huế	0245	
21	Trần Nguyễn Sơn	Giang	03/11/2000	TP.HCM	0246	
22	Trương Hoàng	Giang	10/10/1980	TP.HCM	0247	
23	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	01/01/1990	TP.HCM	0248	
24	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980	TP.HCM	0249	
25	Bùi Mạnh	Hà	18/02/1991	TP.HCM	0250	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 11 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.1 - Từ SBD 0251 đến 0275)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Đặng Văn	Hà	05/05/1986	TP.HCM	0251	
2	Đỗ Thị Mai Hoàng	Hà	29/11/1990	TP.HCM	0252	
3	Lương Thị	Hà	28/01/1995	TP.HCM	0253	

4	Mai Thị Cẩm	Hà	13/11/2000	TP.HCM	0254	
5	Mai Thị Thu	Hà	07/11/2000	TP.HCM	0255	
6	Mai Văn	Hà	16/10/1967	TP.HCM	0256	
7	Ngô Thị Nguyệt	Hà	10/09/1998	TP.HCM	0257	
8	Nguyễn Nhị	Hà	23/12/1997	TP.HCM	0258	
9	Nguyễn Thanh	Hà	16/08/1989	Đồng Tháp	0259	
10	Nguyễn Thị	Hà	08/11/1987	TP.HCM	0260	
11	Nguyễn Thị Kim	Hà	14/11/1998	Nghệ An	0261	
12	Nguyễn Trần Diệu	Hà	27/08/1993	TP.HCM	0262	
13	Phạm Quốc	Hà	13/04/1986	Lâm Đồng	0263	
14	Phạm Thị Nhi Phương	Hà	16/08/1997	TP.HCM	0264	
15	Phan Thanh	Hà	16/05/1984	TP.HCM	0265	
16	Trần Phạm Thanh	Hà	03/04/1999	TP.HCM	0266	
17	Trần Thị Thanh	Hà	26/06/2000	Đồng Nai	0267	
18	Bùi Thị Bạch	Hải	22/08/1970	TP.HCM	0268	
19	Hồ Sỹ	Hải	21/08/1983	Đắk Lắk	0269	
20	Hồ Việt	Hải	15/06/1985	Gia Lai	0270	
21	Hoàng Văn	Hải	26/08/1986	TP.HCM	0271	
22	Hoàng Xuân	Hải	14/09/2000	TP. Huế	0272	
23	Lê Minh	Hải	10/12/1993	TP.HCM	0273	
24	Lê Thanh	Hải	26/09/1972	TP.HCM	0274	
25	Lê Trương Sơn	Hải	06/06/1993	TP.HCM	0275	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 12 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.3 - Từ SBD 0276 đến 0300)**

LUẬT
HỘI
LU
TÒA
7

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Mai Tuấn	Hải	01/06/1996	TP.HCM	0276	
2	Phạm Văn	Hải	12/03/1969	Tây Ninh	0277	
3	Phan Phụng Đức	Hải	02/01/1989	TP.HCM	0278	
4	Trần Công	Hải	08/06/1987	TP.HCM	0279	
5	Trần Tấn	Hải	25/11/1997	Đà Nẵng	0280	
6	Võ Thị Minh	Hải	26/06/1999	TP.HCM	0281	
7	Nguyễn Tiểu Mỹ	Hàn	13/06/1996	Đắk Lắk	0282	
8	Lê Hoàng Ngọc	Hân	02/12/1999	TP.HCM	0283	
9	Lê Nguyễn Bảo	Hân	25/02/1997	TP.HCM	0284	
10	Lưu Gia	Hân	10/02/1999	TP.HCM	0285	
11	Ngô Hoàng Gia	Hân	15/05/2000	TP.HCM	0286	
12	Phạm Ngọc	Hân	20/11/2000	TP.HCM	0287	
13	Phan Châu Thu	Hân	10/12/2000	TP.HCM	0288	
14	Đặng Thúy	Hằng	28/09/1996	TP.HCM	0289	
15	Giáp Mai	Hằng	26/09/1996	TP.HCM	0290	
16	Lê Thị	Hằng	20/11/1998	TP.HCM	0291	
17	Lê Thị Phương	Hằng	20/08/1994	TP.HCM	0292	
18	Lê Thúy	Hằng	19/09/1979	TP.HCM	0293	
19	Nguyễn Lê	Hằng	05/03/1987	TP.HCM	0294	
20	Nguyễn Thị	Hằng	26/10/1997	TP.HCM	0295	
21	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	20/06/2000	TP.HCM	0296	
22	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	25/07/2000	Đắk Lắk	0297	
23	Phạm Minh	Hằng	14/01/2001	TP.HCM	0298	
24	Trần Thị Cẩm	Hằng	04/08/1997	TP.HCM	0299	
25	Trần Thu	Hằng	12/08/1997	TP.HCM	0300	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 13 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 2.3 - Từ SBD 0301 đến 0325)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Việt	Hằng	12/12/1999	Đà Nẵng	0301	
2	Cao Thị Mỹ	Hạnh	10/10/2000	TP.HCM	0302	
3	Huỳnh Hiếu	Hạnh	15/03/2000	TP.HCM	0303	
4	Lê Nguyên	Hạnh	25/12/1998	TP.HCM	0304	
5	Ngô Thị	Hạnh	10/06/1999	TP.HCM	0305	
6	Nguyễn Thị	Hạnh	08/11/1986	TP.HCM	0306	
7	Nguyễn Thị	Hạnh	13/04/2000	TP.HCM	0307	
8	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	17/11/2000	TP.HCM	0308	
9	Phạm Nguyễn Ngân	Hạnh	27/09/1996	TP.HCM	0309	
10	Phạm Thị Hồng	Hạnh	10/03/1991	TP.HCM	0310	
11	Trương Thị Mỹ	Hạnh	05/08/1986	TP.HCM	0311	
12	Văn Thị Mỹ	Hạnh	26/04/1991	Đắk Lắk	0312	
13	Võ Thị Thanh	Hào	20/06/2000	TP.HCM	0313	
14	Võ Tố Hoa	Hào	19/02/1995	TP.HCM	0314	
15	Lê Thành	Hậu	24/11/1989	TP.HCM	0315	
16	Lê Thị	Hậu	09/06/1995	TP.HCM	0316	
17	Nguyễn Thanh	Hậu	05/07/1992	Gia Lai	0317	
18	Nguyễn Thị Hải	Hậu	07/11/1977	TP.HCM	0318	
19	Vương Quốc	Hậu	03/01/2000	TP.HCM	0319	
20	Đặng Thị	Hiền	04/04/1998	TP.HCM	0320	
21	Đinh Thị Thu	Hiền	15/09/2001	TP.HCM	0321	

22	Hoàng Thị Khánh	Hiền	01/08/2001	TP.HCM	0322	
23	Mai Diệu	Hiền	18/01/1998	TP.HCM	0323	
24	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	31/05/1999	TP.HCM	0324	
25	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/02/1996	Đắk Lắk	0325	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 14 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.2 - Từ SBD 0326 đến 0350)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	28/07/1976	TP.HCM	0326	
2	Nguyễn Vũ Minh	Hiền	29/08/2000	TP.HCM	0327	
3	Trần Thị Thanh	Hiền	24/11/1992	TP.HCM	0328	
4	Trần Thị Thu	Hiền	12/09/1983	TP. Hà Nội	0329	
5	Trương Thị	Hiền	05/07/2000	TP.HCM	0330	
6	Vũ Trọng	Hiền	19/06/1989	TP.HCM	0331	
7	Nguyễn Văn	Hiền	25/01/1979	TP.HCM	0332	
8	Đình Anh	Hiệp	10/11/1997	TP.HCM	0333	
9	Đình Vũ	Hiệp	23/06/2000	TP.HCM	0334	
10	Trần Thế	Hiệp	14/10/2001	TP.HCM	0335	
11	Hồ Phạm Thanh	Hiếu	18/10/2000	Cần Thơ	0336	
12	Hứa Huy	Hiếu	08/08/1998	TP.HCM	0337	
13	Nguyễn Hữu	Hiếu	02/04/2000	TP. Hà Nội	0338	
14	Nguyễn Minh	Hiếu	20/04/1994	TP.HCM	0339	
15	Nguyễn Quang	Hiếu	04/07/1998	TP.HCM	0340	
16	Trần Minh	Hiếu	19/08/1995	An Giang	0341	
17	Trần Trọng	Hiếu	23/03/1974	Tây Ninh	0342	

18	Vũ Văn	Hinh	07/06/1981	Gia Lai	0343	
19	Lương Thị	Hoa	14/06/1999	Đà Nẵng	0344	
20	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hoa	10/08/2000	TP.HCM	0345	
21	Nguyễn Thị	Hoa	02/05/1995	TP. Hà Nội	0346	
22	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	08/10/1993	TP.HCM	0347	
23	Phan Sĩ	Hóa	17/03/1992	TP.HCM	0348	
24	Dương Ngọc Thái	Hòa	10/03/2000	TP.HCM	0349	
25	Lê Tiến	Hòa	21/11/1994	TP.HCM	0350	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 15 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.4 - Từ SBD 0351 đến 0375)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Khánh	Hòa	24/11/1990	Đắk Lắk	0351	
2	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	24/12/1994	TP.HCM	0352	
3	Phan Anh	Hòa	18/04/1983	Khánh Hòa	0353	
4	Đồng Nữ Xuân	Hoài	16/06/2001	TP.HCM	0354	
5	Nguyễn Thị Thu	Hoài	20/01/1995	TP.HCM	0355	
6	Võ Bá	Hoàn	08/10/2000	TP.HCM	0356	
7	Bùi Viết	Hoàng	22/03/1986	TP.HCM	0357	
8	Châu Quang	Hoàng	08/02/1994	TP.HCM	0358	
9	Hồ Thị Xuân	Hoàng	06/06/1999	TP.HCM	0359	
10	Mai Lâm	Hoàng	22/02/1981	TP.HCM	0360	
11	Nguyễn Huy	Hoàng	04/06/1997	TP.HCM	0361	
12	Nguyễn Huy	Hoàng	02/04/1996	Đồng Nai	0362	
13	Nguyễn Huy	Hoàng	15/02/1983	Cần Thơ	0363	

14	Nguyễn Xuân	Hoàng	08/10/1984	TP.HCM	0364	
15	Nguyễn Xuân	Hoàng	16/09/1979	Vĩnh Long	0365	
16	Phạm Huy	Hoàng	22/03/1993	TP.HCM	0366	
17	Trần Bảo	Hoàng	19/09/1997	TP.HCM	0367	
18	Trần Duy	Hoàng	10/01/1994	TP.HCM	0368	
19	Nguyễn Thị	Hồng	21/01/2001	TP.HCM	0369	
20	Trần Thị Mai	Hồng	25/12/2000	Đồng Nai	0370	
21	Võ Thị	Hồng	16/09/1998	TP.HCM	0371	
22	Trần Đình	Huân	21/05/1994	TP.HCM	0372	
23	Lê Thị Minh	Huệ	07/01/1988	Đà Nẵng	0373	
24	Mai Kim	Huệ	06/06/1964	Đắk Lắk	0374	
25	Nguyễn Thị Kim	Huệ	25/09/1991	TP.HCM	0375	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 16 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.6 - Từ SBD 0376 đến 0400)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Huệ	20/02/1982	TP.HCM	0376	
2	Phạm Thị	Huệ	15/11/1993	TP.HCM	0377	
3	Trần Thị	Huệ	10/08/1998	TP.HCM	0378	
4	Đặng Khánh	Hùng	19/09/1996	TP.HCM	0379	
5	Lê Công	Hùng	04/01/2000	TP.HCM	0380	
6	Lê Mạnh	Hùng	08/11/1999	Đồng Nai	0381	
7	Lê Văn	Hùng	10/09/1979	TP.HCM	0382	
8	Nguyễn Thế	Hùng	13/07/1972	Đà Nẵng	0383	
9	Nguyễn Thế	Hùng	16/07/1989	TP.HCM	0384	

10	Nguyễn Thế Anh	Hùng	08/03/2000	TP.HCM	0385	
11	Phạm Quốc	Hùng	17/02/1976	TP.HCM	0386	
12	Phan Mạnh	Hùng	01/09/1998	TP.HCM	0387	
13	Phan Văn	Hùng	10/07/1964	An Giang	0388	
14	Trần Thanh	Hùng	11/10/1997	TP.HCM	0389	
15	Lê Văn	Hưng	08/12/1971	Cần Thơ	0390	
16	Nguyễn Hoàng	Hưng	01/01/2000	Vĩnh Long	0391	
17	Phan Đình	Hưng	09/07/1999	TP.HCM	0392	
18	Phan Ngọc	Hưng	17/12/2000	TP.HCM	0393	
19	Trần Quang	Hưng	06/05/1999	TP.HCM	0394	
20	Trần Quang	Hưng	04/06/1996	Vĩnh Long	0395	
21	Đàm Thị Thu	Hương	24/06/1994	TP.HCM	0396	
22	Đình Thị Giang	Hương	24/06/1974	TP.HCM	0397	
23	Hoàng Thị	Hương	17/04/1993	Lâm Đồng	0398	
24	Khuất Thị Diễm	Hương	14/12/1980	Đồng Nai	0399	
25	Nguyễn Hoàng	Hương	20/05/1996	TP.HCM	0400	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 17 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.1 - Từ SBD 0401 đến 0425)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Hương	30/04/2000	TP.HCM	0401	
2	Nguyễn Thị Hồng	Hương	19/06/2000	An Giang	0402	
3	Nguyễn Thị Kim	Hương	19/07/1991	TP.HCM	0403	
4	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	10/08/1980	TP.HCM	0404	
5	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/12/1998	Vĩnh Long	0405	

6	Nguyễn Thị Thùy	Hương	21/06/1978	Khánh Hòa	0406	
7	Phạm Thị Thu	Hương	26/07/1996	Đắk Lắk	0407	
8	Trần Lâm Thanh	Hương	24/08/2001	TP.HCM	0408	
9	Trần Quỳnh	Hương	24/10/1998	TP.HCM	0409	
10	Trần Thị Ái	Hương	15/09/1985	TP.HCM	0410	
11	Trần Thị Thanh	Hương	29/09/2000	TP.HCM	0411	
12	Đặng Thị Vũ	Hương	13/10/1987	Quảng Ninh	0412	
13	Dương Thị Thu	Hương	28/08/1971	Đồng Nai	0413	
14	Lê Minh	Hữu	03/03/1978	Vĩnh Long	0414	
15	Hà Tiên	Huy	01/10/1997	TP. Hà Nội	0415	
16	Kiều Quang	Huy	24/08/1997	TP.HCM	0416	
17	Nguyễn Đức	Huy	19/07/2000	TP.HCM	0417	
18	Nguyễn Gia	Huy	15/06/2001	TP.HCM	0418	
19	Nguyễn Ngọc	Huy	07/11/1999	Đắk Lắk	0419	
20	Nguyễn Thái	Huy	08/11/2000	TP.HCM	0420	
21	Nguyễn Xuân	Huy	28/03/1972	TP.HCM	0421	
22	Trà Trần Thanh	Huy	02/08/1999	Quảng Ngãi	0422	
23	Trần Quang	Huy	14/01/1972	TP.HCM	0423	
24	Trương Tiến	Huy	01/03/1977	Tây Ninh	0424	
25	Đoàn Văn	Huy	10/05/1999	Gia Lai	0425	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 18 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.1 - Từ SBD 0426 đến 0450)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trương Thị Ngọc	Huyền	15/08/1996	TP.HCM	0426	

2	Nguyễn Thị	Huyền	02/12/1997	TP.HCM	0427
3	Nguyễn Thị	Huyền	07/09/1997	TP.HCM	0428
4	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	24/02/1994	Vĩnh Long	0429
5	Phan Thị Xuân	Huyền	05/07/1987	Đồng Nai	0430
6	Tô Mỹ	Huyền	06/03/2001	An Giang	0431
7	Trần Nguyễn Thanh	Huyền	24/05/1996	Quảng Ngãi	0432
8	Bồ Trung	Huỳnh	02/08/1988	TP.HCM	0433
9	Lý Tấn	Huỳnh	05/07/1992	Vĩnh Long	0434
10	Võ Như	Huỳnh	14/08/2000	TP.HCM	0435
11	Võ Thiên Lý	Khách	05/09/1999	TP.HCM	0436
12	Nguyễn Phan Minh	Khai	15/05/1978	Đà Nẵng	0437
13	Bùi Quang	Khải	09/09/1978	Đồng Nai	0438
14	Đặng Đức	Khải	30/09/2000	TP.HCM	0439
15	Đoàn Hữu	Khải	13/05/1999	Đắk Lắk	0440
16	Ngô Văn	Khang	09/11/1997	Cà Mau	0441
17	Nguyễn Ngô Vĩnh	Khang	18/09/2001	TP.HCM	0442
18	Nguyễn Nguyên	Khang	02/01/2000	TP.HCM	0443
19	Huỳnh Công	Khanh	28/07/1995	TP.HCM	0444
20	Lê Trần Vân	Khanh	29/04/2001	TP.HCM	0445
21	Nguyễn Thị Ái	Khanh	17/10/1977	TP.HCM	0446
22	Nguyễn Thị Lê	Khanh	13/02/1997	Đắk Lắk	0447
23	Hoàng Quốc	Khánh	02/09/1996	TP.HCM	0448
24	Nguyễn Nam	Khánh	03/05/1994	TP.HCM	0449
25	Nguyễn Thiên	Khánh	06/02/1992	Khánh Hòa	0450

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

VIẾT

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 19 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.3 - Từ SBD 0451 đến 0475)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Đăng	Khánh	07/08/1979	TP.HCM	0451	
2	Phạm Duy	Khánh	15/03/1982	Đắk Lắk	0452	
3	Phạm Trần Bảo	Khánh	21/07/1999	TP.HCM	0453	
4	Bùi Đăng	Khoa	05/06/1990	TP.HCM	0454	
5	Nguyễn Đăng	Khoa	12/05/1999	TP.HCM	0455	
6	Nguyễn Đình	Khoa	21/08/1999	TP.HCM	0456	
7	Nguyễn Võ Anh	Khoa	28/02/1999	TP.HCM	0457	
8	Trần Anh	Khoa	24/04/2000	TP.HCM	0458	
9	Bùi Đức	Khôi	30/08/1997	Tây Ninh	0459	
10	Trần Nguyên	Khôi	06/03/1991	TP.HCM	0460	
11	Quách Thụy Anh	Khuê	18/12/1997	TP.HCM	0461	
12	Dương Thoại	Khương	15/01/1985	TP.HCM	0462	
13	Nguyễn Thị	Khuyên	21/04/1997	TP.HCM	0463	
14	Nguyễn Trung	Kiên	25/11/1982	Cà Mau	0464	
15	Nguyễn Anh	Kiệt	01/09/1989	TP.HCM	0465	
16	Nguyễn Tấn	Kiệt	04/07/2000	TP.HCM	0466	
17	Khương Kim Thúy	Kiều	17/04/1997	Cà Mau	0467	
18	Lê Thị Ngọc	Kiều	22/09/1975	TP.HCM	0468	
19	Nguyễn Thị Thủy	Kiều	02/08/1993	TP.HCM	0469	
20	Trần Ngọc Diễm	Kiều	16/01/2000	TP.HCM	0470	
21	Trần Thị Ninh	Kiều	02/06/1983	Đồng Nai	0471	
22	Nguyễn Văn	Kính	10/06/1985	TP.HCM	0472	
23	Y Tina	KNỗng	03/08/1983	Đắk Lắk	0473	

24	Tiểu Hồng		Kỳ	02/03/1965	Lâm Đồng	0474	
25	Lê Thị Thanh		Lai	02/08/1990	TP.HCM	0475	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 20 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.3 - Từ SBD 0476 đến 0500)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Mai Hắc Phúc	Lai	22/12/2000	TP.HCM	0476	
2	Nguyễn Minh	Lai	01/01/1978	TP. Hà Nội	0477	
3	Bùi Trúc	Lam	25/09/1984	TP.HCM	0478	
4	Đoàn Thị Kim	Lâm	24/10/1992	TP.HCM	0479	
5	Huỳnh Thanh	Lâm	14/01/2000	TP.HCM	0480	
6	Lê	Lâm	12/11/1966	TP.HCM	0481	
7	Nguyễn Tiến Sơn	Lâm	27/02/1998	TP.HCM	0482	
8	Nguyễn Tùng	Lâm	16/07/1968	Cà Mau	0483	
9	Võ Thành	Lâm	14/11/2000	TP.HCM	0484	
10	Vũ Văn	Lâm	17/06/1986	TP.HCM	0485	
11	Bùi Thị Phương	Lan	01/10/1998	TP.HCM	0486	
12	Cù Thị Ngọc	Lan	18/06/1985	Đồng Nai	0487	
13	Đoàn Thị Thuỳ	Lan	17/02/1975	TP.HCM	0488	
14	Lê Thị	Lan	01/06/1976	Đồng Nai	0489	
15	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/06/1973	TP.HCM	0490	
16	Phan Thị Phong	Lan	02/03/1978	TP.HCM	0491	
17	Hồ Thị	Lành	01/05/1991	Đắk Lắk	0492	
18	Đặng Quý	Lập	16/08/1993	TP.HCM	0493	
19	Lê Phước	Lập	08/10/1997	Tây Ninh	0494	

ĐOÀN

20	Phạm Đăng	Lênh	26/01/1984	TP.HCM	0495	
21	Nguyễn Thanh	Liên	01/04/1994	TP.HCM	0496	
22	Phạm Hoàng Thanh	Liên	11/12/1983	TP.HCM	0497	
23	Lương Thị	Liên	05/05/1990	TP.HCM	0498	
24	Trần Thị Kim	Liên	20/05/2000	TP.HCM	0499	
25	Trần Văn	Liên	19/03/1986	Lâm Đồng	0500	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 21 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.2 - Từ SBD 0501 đến 0525)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Huỳnh Ngọc	Liễu	03/01/1996	TP.HCM	0501	
2	Nguyễn Thị	Liễu	10/06/1991	TP.HCM	0502	
3	Trương Thị Ánh	Liệu	26/08/1999	TP.HCM	0503	
4	Chu Hạnh	Linh	21/08/1999	TP.HCM	0504	
5	Đào Nguyễn Yến	Linh	07/11/1992	TP.HCM	0505	
6	Đinh Thị Mỹ	Linh	06/09/1984	Cần Thơ	0506	
7	Đỗ Thị	Linh	21/11/1997	TP.HCM	0507	
8	Đỗ Thị Mỹ	Linh	20/08/1997	TP.HCM	0508	
9	Đoàn Mạnh	Linh	12/01/1981	Đà Nẵng	0509	
10	Hứa Thế	Linh	26/04/2000	Cần Thơ	0510	
11	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	16/01/2000	Gia Lai	0511	
12	Lê Thị Kiều	Linh	04/09/1997	TP.HCM	0512	
13	Nguyễn Hoàng Thuỳ	Linh	23/12/2000	TP.HCM	0513	
14	Nguyễn Nhật Khánh	Linh	21/04/1982	TP.HCM	0514	
15	Nguyễn Thảo	Linh	16/05/2000	TP.HCM	0515	

16	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	09/05/1998	Vĩnh Long	0516	
17	Nguyễn Thị Diệp	Linh	09/08/1998	TP.HCM	0517	
18	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	17/10/2000	TP.HCM	0518	
19	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	08/10/1997	TP.HCM	0519	
20	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	10/08/1999	TP.HCM	0520	
21	Nguyễn Thị Trúc	Linh	18/05/2000	TP.HCM	0521	
22	Phạm Thị Huyền	Linh	24/03/1996	Cần Thơ	0522	
23	Phan Quốc	Linh	16/05/1996	TP.HCM	0523	
24	Phan Thị Mỹ	Linh	08/08/1978	TP.HCM	0524	
25	Phan Thị Thảo	Linh	10/09/1999	Đà Nẵng	0525	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 22 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.4 - Từ SBD 0526 đến 0550)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phù Thùy	Linh	08/01/1998	TP.HCM	0526	
2	Quách Thị Mỹ	Linh	21/08/1997	TP.HCM	0527	
3	Thái Trọng	Linh	17/05/1996	TP.HCM	0528	
4	Trần Thị Hà	Linh	08/11/2000	TP.HCM	0529	
5	Trần Thị Thuý	Linh	06/06/1999	TP.HCM	0530	
6	Huỳnh Ngọc	Loan	22/01/1998	TP.HCM	0531	
7	Nguyễn Hồng	Loan	02/12/1999	TP.HCM	0532	
8	Nguyễn Thị	Loan	24/08/1998	TP.HCM	0533	
9	Trần Thiện Như	Loan	06/11/1978	TP.HCM	0534	
10	Vương Ngọc	Loan	04/02/1986	Cần Thơ	0535	
11	Đỗ Thanh	Lộc	26/03/1985	TP.HCM	0536	

12	Đoàn Nguyễn Nguyên	Lộc	29/01/1997	Tây Ninh	0537	
13	Lê Anh	Lộc	17/10/1988	Vĩnh Long	0538	
14	Lê Nguyễn Tất	Lộc	28/10/1995	TP.HCM	0539	
15	Nguyễn Hữu	Lộc	05/08/1998	TP.HCM	0540	
16	Trần Đại	Lộc	16/11/1980	Đồng Nai	0541	
17	Trần Tấn	Lộc	26/03/1998	TP.HCM	0542	
18	Hồ Thành	Lợi	18/06/1997	TP.HCM	0543	
19	Trịnh Xuân	Lợi	01/06/1986	TP.HCM	0544	
20	Bùi Huy	Long	15/06/1978	TP.HCM	0545	
21	Đàm Gia	Long	01/01/1997	TP.HCM	0546	
22	Dương Thành	Long	08/08/1977	TP.HCM	0547	
23	Lâm Thanh	Long	22/10/1979	Cà Mau	0548	
24	Lê Hoàng	Long	27/03/1992	TP.HCM	0549	
25	Lê Thanh	Long	23/05/2000	TP.HCM	0550	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 23 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.6 - Từ SBD 0551 đến 0575)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Văn	Long	09/04/2000	TP.HCM	0551	
2	Nguyễn Hoàng	Long	07/10/1985	TP.HCM	0552	
3	Nguyễn Hoàng Minh	Long	05/04/1993	TP.HCM	0553	
4	Nguyễn Ngọc	Long	18/03/1992	TP.HCM	0554	
5	Nguyễn Thị Thanh	Long	02/07/2000	TP.HCM	0555	
6	Nguyễn Văn	Long	18/06/1979	TP.HCM	0556	
7	Thân Hồng	Long	08/01/1989	TP.HCM	0557	

8	Trương Nguyễn Thiên	Long	12/12/1997	TP.HCM	0558	
9	Huỳnh Văn	Luân	02/07/1983	TP.HCM	0559	
10	Trần Thị Kim	Luôn	07/02/1994	Lâm Đồng	0560	
11	Lê Thị	Lương	16/07/1997	Đắk Lắk	0561	
12	Dũng Thành	Lưu	14/05/2000	TP.HCM	0562	
13	Nguyễn Thị	Ly	23/02/1996	Đồng Nai	0563	
14	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	19/06/2000	TP.HCM	0564	
15	Nguyễn Thị Khánh	Ly	15/08/1986	TP.HCM	0565	
16	Trần Thị Bích	Ly	22/08/2000	TP.HCM	0566	
17	Bùi Thị Hải	Lý	02/12/1996	TP.HCM	0567	
18	Dương Thị Hải	Lý	17/01/1977	TP.HCM	0568	
19	Đình Trần Ngọc	Mai	03/05/2000	TP.HCM	0569	
20	Hàng Mỹ	Mai	02/08/1983	TP.HCM	0570	
21	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	02/07/2000	TP.HCM	0571	
22	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	10/11/2000	TP.HCM	0572	
23	Nguyễn Thị Xuân	Mai	28/03/1999	TP.HCM	0573	
24	Phan Thị Phương	Mai	12/09/2000	TP.HCM	0574	
25	Trần Thị Phương	Mai	30/08/1997	TP.HCM	0575	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 24 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.1 - Từ SBD 0576 đến 0600)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Biện Minh	Mẫn	17/07/1991	TP.HCM	0576	
2	Lê Thanh	Mẫn	13/10/1976	Tây Ninh	0577	
3	Phan Minh	Mẫn	19/11/1961	Tây Ninh	0578	

4	Nguyễn Đình	Mạnh	09/04/1998	TP.HCM	0579	
5	Nguyễn Tát	Mạnh	11/10/1978	Lâm Đồng	0580	
6	Trần Thị Thảo	Mi	28/12/1988	TP.HCM	0581	
7	Võ Thị Trà	Mi	29/08/1993	TP.HCM	0582	
8	Đặng Ngọc	Minh	27/04/2000	Cần Thơ	0583	
9	Đình Thị	Minh	12/10/1996	TP.HCM	0584	
10	Hồ Nguyễn Nguyệt	Minh	05/10/1998	TP.HCM	0585	
11	Lại Xuân Quang	Minh	01/10/1999	TP.HCM	0586	
12	Nguyễn Công	Minh	11/12/1998	Tây Ninh	0587	
13	Nguyễn Đoàn	Minh	09/04/1973	TP.HCM	0588	
14	Nguyễn Duy	Minh	05/05/2000	TP.HCM	0589	
15	Nguyễn Thanh	Minh	05/04/1999	TP.HCM	0590	
16	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	07/08/1999	TP.HCM	0591	
17	Nguyễn Thu	Minh	26/10/1998	TP.HCM	0592	
18	Nguyễn Văn	Minh	10/04/1967	TP.HCM	0593	
19	Phạm Cao	Minh	01/01/2000	TP.HCM	0594	
20	Phạm Ngọc	Minh	21/12/1986	TP.HCM	0595	
21	Trần Hữu	Minh	13/10/1985	TP.HCM	0596	
22	Trần Quang	Minh	02/11/1977	TP.HCM	0597	
23	Phan Thành	Mức	19/05/1999	Cần Thơ	0598	
24	Phan Văn	Mừng	23/03/1986	Đồng Tháp	0599	
25	Lê Ngọc Trà	My	27/02/1989	TP.HCM	0600	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 25 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.1 - Từ SBD 0601 đến 0625)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Quỳnh	My	28/11/2000	TP.HCM	0601	
2	Nguyễn Thị Hà	My	08/04/1999	TP.HCM	0602	
3	Nguyễn Thị Hải	My	04/09/2001	TP.HCM	0603	
4	Nguyễn Thị My	My	25/05/1996	TP.HCM	0604	
5	Nguyễn Vương Thụy	My	09/08/1991	TP.HCM	0605	
6	Trần Thị Thanh	Mỹ	06/07/1984	TP.HCM	0606	
7	Bùi Anh	Nam	27/12/1983	TP.HCM	0607	
8	Đoàn Văn	Nam	02/05/1971	TP.HCM	0608	
9	Lê	Nam	28/06/1984	TP.HCM	0609	
10	Nguyễn Hồng	Nam	17/01/1975	TP.HCM	0610	
11	Nguyễn Phương	Nam	13/01/1978	TP.HCM	0611	
12	Nguyễn Thế	Nam	13/10/1998	TP.HCM	0612	
13	Nguyễn Vũ Đăng	Nam	03/08/1991	TP.HCM	0613	
14	Phí Quang	Nam	29/10/1992	TP.HCM	0614	
15	Trịnh Văn	Nam	15/04/1986	Đồng Nai	0615	
16	Từ Đại	Nam	04/11/1988	TP.HCM	0616	
17	Dương Thị Vân	Nga	12/07/1981	TP.HCM	0617	
18	Hồ Huỳnh Thanh Thúy	Nga	30/06/1997	TP.HCM	0618	
19	Lê Quỳnh	Nga	24/04/1993	TP.HCM	0619	
20	Mai Thị Quỳnh	Nga	26/03/1993	Đồng Nai	0620	
21	Nguyễn Phạm Quỳnh	Nga	06/06/1996	Đồng Nai	0621	
22	Phạm Thị Bích	Nga	16/01/1998	TP.HCM	0622	
23	Đỗ Quang	Nga	28/06/1985	TP.HCM	0623	
24	Nguyễn Trần Ngọc	Nga	28/03/1999	TP.HCM	0624	
25	Bùi Nguyễn Thúy	Ngân	05/07/1996	TP.HCM	0625	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 26 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.3 - Từ SBD 0626 đến 0650)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Ngọc Kim	Ngân	30/03/1989	TP.HCM	0626	
2	Ngô Kim	Ngân	17/08/2000	TP.HCM	0627	
3	Nguyễn Thanh	Ngân	02/02/1998	TP.HCM	0628	
4	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18/07/1998	Tây Ninh	0629	
5	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	05/05/1997	TP.HCM	0630	
6	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	25/08/1996	TP.HCM	0631	
7	Nguyễn Thu Huệ	Ngân	02/09/1990	Vĩnh Long	0632	
8	Trần Thị Thảo	Ngân	20/08/1996	TP.HCM	0633	
9	Vũ Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/02/1998	TP.HCM	0634	
10	Nguyễn Ngọc Đông	Nghi	13/11/2000	TP.HCM	0635	
11	Bùi Hữu	Nghĩa	28/06/1999	TP.HCM	0636	
12	Đỗ Hữu	Nghĩa	19/03/1988	Tây Ninh	0637	
13	Lâm Hữu	Nghĩa	01/01/1989	Cà Mau	0638	
14	Nguyễn Thị	Nghĩa	29/01/1992	TP.HCM	0639	
15	Võ Trọng	Nghĩa	10/02/1998	TP.HCM	0640	
16	Lương Văn	Nghiệp	30/11/1984	Đà Nẵng	0641	
17	Đỗ Phạm Hồng	Ngọc	19/10/2001	Cần Thơ	0642	
18	Đỗ Thị Bích	Ngọc	09/09/1996	TP.HCM	0643	
19	Đoàn Nguyên	Ngọc	17/12/1982	Đồng Nai	0644	
20	Hồ Thị	Ngọc	10/06/1995	TP.HCM	0645	
21	Huỳnh Cao Như	Ngọc	07/10/2000	TP.HCM	0646	

22	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc	24/03/1990	TP.HCM	0647	
23	Huỳnh Thị Như	Ngọc	28/02/1999	TP.HCM	0648	
24	Lâm Thị Mỹ	Ngọc	16/01/1997	Vĩnh Long	0649	
25	Lê Phương Bảo	Ngọc	15/10/1989	TP.HCM	0650	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 27 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.3 - Từ SBD 0651 đến 0675)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Thị Mỹ	Ngọc	20/02/2000	TP.HCM	0651	
2	Nguyễn Mai Bích	Ngọc	08/01/1993	TP.HCM	0652	
3	Nguyễn Như	Ngọc	06/10/1999	TP.HCM	0653	
4	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	20/07/1992	An Giang	0654	
5	Nguyễn Thị Yên	Ngọc	02/08/1999	Vĩnh Long	0655	
6	Phạm Minh	Ngọc	04/02/2000	TP.HCM	0656	
7	Phạm Thị	Ngọc	08/04/1996	TP.HCM	0657	
8	Phan Thị Cẩm	Ngọc	03/05/1990	TP.HCM	0658	
9	Trần Thị Hồng	Ngọc	17/06/1999	TP.HCM	0659	
10	Võ Thị Bảo	Ngọc	01/11/1988	Đắk Lắk	0660	
11	Vũ Thị	Ngọc	08/10/1996	Đắk Lắk	0661	
12	Huỳnh Thanh	Ngưng	02/09/1987	Đồng Tháp	0662	
13	Lê Công	Nguyên	27/11/1993	Gia Lai	0663	
14	Vũ Nguyễn Việt	Nguyên	17/02/1994	TP.HCM	0664	
15	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/01/1996	TP.HCM	0665	
16	Phạm Thị Thu	Nguyệt	19/09/2000	TP.HCM	0666	
17	Hoàng Thị Linh	Nhâm	14/02/2000	TP.HCM	0667	

18	Lê Mỹ	Nhân	25/08/1998	TP.HCM	0668	
19	Phạm Thanh	Nhân	17/07/1988	TP.HCM	0669	
20	Trương Mỹ	Nhân	23/09/2000	TP.HCM	0670	
21	Đoàn Hoài	Nhân	06/05/1998	TP.HCM	0671	
22	Lý Thành	Nhân	10/07/2001	TP. Hà Nội	0672	
23	Ngô Hoài	Nhân	10/02/2000	TP.HCM	0673	
24	Nguyễn Trí	Nhân	30/11/2000	TP.HCM	0674	
25	Trần Quốc	Nhân	25/08/1979	TP.HCM	0675	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 28 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.2 - Từ SBD 0676 đến 0700)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Võ Thành	Nhân	17/03/1992	TP.HCM	0676	
2	Võ Trung	Nhân	03/08/2000	TP.HCM	0677	
3	K'	Nhân	18/10/1991	TP.HCM	0678	
4	Lê Văn	Nhanh	02/09/1966	Tây Ninh	0679	
5	Hoàng Duy	Nhất	29/01/1994	Cần Thơ	0680	
6	Quế Tiến	Nhật	08/04/1992	TP.HCM	0681	
7	Trần Công Minh	Nhật	28/08/1968	TP.HCM	0682	
8	Trần Đức	Nhật	31/10/1997	TP.HCM	0683	
9	Bùi Ngọc	Nhi	03/10/1999	TP.HCM	0684	
10	Cai Thị Thảo	Nhi	28/02/2000	TP.HCM	0685	
11	Lâm Thúy Bảo	Nhi	19/12/2001	TP.HCM	0686	
12	Lê Thúy	Nhi	11/12/2001	Quảng Ngãi	0687	
13	Nguyễn Ngọc Mỹ	Nhi	22/01/1997	TP.HCM	0688	

14	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	02/07/1996	TP.HCM	0689	
15	Nguyễn Thị Yên	Nhi	13/06/1999	TP.HCM	0690	
16	Trần Ngọc Hà	Nhi	09/05/1990	TP.HCM	0691	
17	Võ Nguyễn Ý	Nhi	12/01/2001	Đắk Lắk	0692	
18	Võ Văn	Nhiệm	28/02/1995	Cà Mau	0693	
19	Mai Thanh	Nho	05/03/1970	TP.HCM	0694	
20	Nguyễn Văn	Nhu	09/10/1989	TP.HCM	0695	
21	Dương Quỳnh	Như	01/10/1995	TP.HCM	0696	
22	Ngô Thị Anh	Như	07/09/1997	Cần Thơ	0697	
23	Nguyễn Dương Tâm	Như	10/09/2000	TP.HCM	0698	
24	Nguyễn Hồng Tố	Như	06/05/1988	TP.HCM	0699	
25	Nguyễn Thị Hồng	Như	17/10/1976	TP.HCM	0700	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 29 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.4 - Từ SBD 0701 đến 0725)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	29/08/1999	TP.HCM	0701	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Như	13/06/1997	TP. Huế	0702	
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	26/02/1991	TP.HCM	0703	
4	Phạm Thị Quỳnh	Như	26/04/1997	TP.HCM	0704	
5	Phạm Thị Thanh	Như	10/02/2000	TP.HCM	0705	
6	Dương Kiều Phương	Nhung	18/10/1985	TP.HCM	0706	
7	Dương Thị Hồng	Nhung	27/07/1997	Khánh Hòa	0707	
8	Lê Thị Hồng	Nhung	31/10/1996	TP.HCM	0708	
9	Nguyễn Hồng	Nhung	20/08/2000	TP.HCM	0709	

VIỆT
M

10	Nguyễn Thị Nhung	Nhung	12/09/1993	Đà Nẵng	0710	
11	Nguyễn Thị Nhung	Nhung	25/09/1999	TP.HCM	0711	
12	Nguyễn Thị Nhung	Nhung	12/05/1994	TP.HCM	0712	
13	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nhung	12/11/2001	Đồng Tháp	0713	
14	Trần Thị Nhung	Nhung	09/07/2000	TP.HCM	0714	
15	Trần Thị Nhung	Nhung	07/12/1991	Đà Nẵng	0715	
16	Trần Thị Hồng Nhung	Nhung	02/03/1990	TP.HCM	0716	
17	Nguyễn Đào Duy Nhựt	Nhựt	03/02/1995	TP.HCM	0717	
18	Phan Hoàng Nhựt	Nhựt	20/10/1975	TP.HCM	0718	
19	Dương Thị Công Nương	Nương	13/09/1999	TP.HCM	0719	
20	Hoàng Vân Oanh	Oanh	10/02/1997	TP.HCM	0720	
21	Lê Kiều Oanh	Oanh	21/06/1995	Vĩnh Long	0721	
22	Lê Thị Kiều Oanh	Oanh	19/05/1995	TP.HCM	0722	
23	Nguyễn Kim Oanh	Oanh	11/04/1993	TP.HCM	0723	
24	Nguyễn Thị Kim Oanh	Oanh	05/08/1997	TP.HCM	0724	
25	Phái Thị Hoàng Oanh	Oanh	03/06/1994	TP.HCM	0725	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 30 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.6 - Từ SBD 0726 đến 0750)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Thị Ngọc	Oanh	26/11/1996	Đồng Nai	0726	
2	Nguyễn Thị Kỳ	Phán	13/09/1997	TP.HCM	0727	
3	Nguyễn Sỹ	Pháp	30/04/1993	TP.HCM	0728	
4	Phan Trung	Pháp	10/06/1998	TP.HCM	0729	
5	Văn Đức	Pháp	30/07/1999	Quảng Ngãi	0730	

6	Nguyễn Tấn	Phát	21/06/1983	Cà Mau	0731	
7	Nguyễn Tấn	Phát	12/01/1997	TP.HCM	0732	
8	Hồ Thị Yên	Phi	29/07/1993	TP.HCM	0733	
9	Nguyễn Tấn	Phong	30/08/1981	TP.HCM	0734	
10	Nguyễn Thanh	Phong	10/11/1976	TP.HCM	0735	
11	Nguyễn Thế	Phong	29/10/1999	Tây Ninh	0736	
12	Trần Hoàng	Phong	19/09/2000	TP.HCM	0737	
13	Trần Xuân	Phong	01/01/1990	Đà Nẵng	0738	
14	Võ Thanh	Phong	18/02/1990	TP.HCM	0739	
15	Võ Văn	Phong	24/08/2001	Đồng Nai	0740	
16	Cao Thị	Phú	18/06/1996	TP.HCM	0741	
17	Khúc Ngọc	Phú	12/08/1975	Đắk Lắk	0742	
18	Nguyễn Minh	Phú	25/01/1996	TP.HCM	0743	
19	Nguyễn Ngọc	Phú	04/05/1997	TP.HCM	0744	
20	Trần Hoàng	Phú	22/05/1987	Vĩnh Long	0745	
21	Liêu Thị	Phúc	19/08/2000	TP.HCM	0746	
22	Ngô Trương Kim	Phúc	24/10/2000	Cần Thơ	0747	
23	Nguyễn Duy	Phúc	24/11/1986	TP.HCM	0748	
24	Nguyễn Duy	Phúc	25/03/1999	TP.HCM	0749	
25	Nguyễn Hoàn Gia	Phúc	12/02/1975	TP.HCM	0750	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 31 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.1 - Từ SBD 0751 đến 0775)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng	Phúc	19/02/1987	An Giang	0751	

2	Phan Nguyễn Đức	Phúc	30/07/1999	Đà Nẵng	0752	
3	Nguyễn Minh	Phục	19/08/2001	Đà Nẵng	0753	
4	Hồ Thị Kim	Phước	02/08/1993	TP.HCM	0754	
5	Mai Tuyết Ngọc	Phước	22/04/2000	TP.HCM	0755	
6	Trần Ngọc	Phước	20/02/1968	TP.HCM	0756	
7	Trần Văn	Phước	05/09/1980	TP.HCM	0757	
8	Bùi Thị Huệ	Phương	17/07/1996	TP.HCM	0758	
9	Đặng Thị Mai	Phương	14/03/1999	TP. Hà Nội	0759	
10	Đào Thanh	Phương	09/02/1998	TP.HCM	0760	
11	Đỗ Quang	Phương	22/10/1998	Tây Ninh	0761	
12	Hồ Thị	Phương	06/01/1999	TP.HCM	0762	
13	Lê Đình Quốc	Phương	01/08/1980	Quảng Ngãi	0763	
14	Lê Thị	Phương	20/12/1982	Đắk Lắk	0764	
15	Lê Thị Ánh	Phương	22/05/1999	Cần Thơ	0765	
16	Lê Uyên	Phương	06/06/2000	TP.HCM	0766	
17	Mai Hà	Phương	13/10/1996	TP.HCM	0767	
18	Mai Hùng	Phương	20/02/1988	Tây Ninh	0768	
19	Ngô Đình	Phương	16/08/1995	TP.HCM	0769	
20	Nguyễn Đăng Khánh	Phương	15/11/2000	TP.HCM	0770	
21	Nguyễn Hoàng	Phương	02/04/1999	Cần Thơ	0771	
22	Nguyễn Lê Nam	Phương	17/10/1997	TP.HCM	0772	
23	Nguyễn Thanh	Phương	21/09/2000	TP.HCM	0773	
24	Nguyễn Thị Ngân	Phương	10/10/1993	TP.HCM	0774	
25	Nguyễn Thị Thu	Phương	01/05/1972	Cà Mau	0775	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 32 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.1 - Từ SBD 0776 đến 0800)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Tuyết	Phương	27/03/1991	TP.HCM	0776	
2	Phạm Thị	Phương	22/10/1999	TP.HCM	0777	
3	Trần Thu	Phương	16/09/1999	TP.HCM	0778	
4	Vì Thị Bích	Phương	15/10/1998	TP.HCM	0779	
5	Hồ Như	Phương	28/11/1999	TP.HCM	0780	
6	Lê Thị Thúy	Phương	20/11/1996	TP.HCM	0781	
7	Tạ Thị	Phương	10/03/1990	Đồng Nai	0782	
8	Đinh Việt	Quân	16/06/1977	TP.HCM	0783	
9	Lý Lệ	Quân	27/11/1993	TP.HCM	0784	
10	Phạm Bá	Quân	06/08/2000	TP.HCM	0785	
11	Trần Nguyễn Thanh	Quân	27/08/1999	TP.HCM	0786	
12	Tường Duy	Quân	14/11/1979	TP.HCM	0787	
13	Đặng Văn	Quang	06/04/1968	TP.HCM	0788	
14	Lương Đình	Quang	11/05/1976	TP.HCM	0789	
15	Nguyễn Minh	Quang	23/11/1999	TP.HCM	0790	
16	Nguyễn Tấn	Quang	22/08/1984	TP.HCM	0791	
17	Phan Lê Thanh	Quang	24/02/1994	TP.HCM	0792	
18	Trần Quốc	Quang	27/06/1992	Tây Ninh	0793	
19	Đoàn Minh	Quốc	08/01/2000	TP.HCM	0794	
20	Lưu Kiến	Quốc	14/09/1967	TP.HCM	0795	
21	Nguyễn Vĩnh	Quốc	14/02/1975	TP.HCM	0796	
22	Phan Văn Bảo	Quốc	24/08/1977	TP.HCM	0797	
23	Tô Bảo	Quốc	25/05/1981	TP.HCM	0798	

LƯU
HỌ
LI
TÊN
TỔ
7/7

24	Võ Tấn	Quý	08/05/2000	TP.HCM	0799	
25	Lê Thị Minh	Quý	30/06/1993	TP.HCM	0800	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 33 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.3 - Từ SBD 0801 đến 0825)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Quang	Quý	27/03/1989	Đắk Lắk	0801	
2	Nguyễn Văn	Quý	10/02/1991	TP.HCM	0802	
3	Võ Văn	Quý	25/12/1978	TP.HCM	0803	
4	Đào Minh	Quyên	06/12/1998	TP.HCM	0804	
5	Lê Thị Ngọc	Quyên	25/02/1999	TP.HCM	0805	
6	Nguyễn Lê Phương	Quyên	02/08/2000	TP.HCM	0806	
7	Nguyễn Thị Nhật	Quyên	25/09/2000	TP.HCM	0807	
8	Lê Kim	Quyên	18/08/1998	TP.HCM	0808	
9	Đào Nguyễn Trúc	Quỳnh	06/06/1999	TP.HCM	0809	
10	Lê Như	Quỳnh	13/05/1997	TP.HCM	0810	
11	Lê Thị	Quỳnh	05/10/1997	Đà Nẵng	0811	
12	Nguyễn Diệu	Quỳnh	27/02/1999	TP.HCM	0812	
13	Nguyễn Đức	Quỳnh	07/12/1998	TP.HCM	0813	
14	Nguyễn Nhật	Quỳnh	15/09/2000	TP.HCM	0814	
15	Nguyễn Như	Quỳnh	07/02/2000	TP.HCM	0815	
16	Nguyễn Như	Quỳnh	04/03/1999	TP.HCM	0816	
17	Nguyễn Như	Quỳnh	30/08/1996	TP. Hà Nội	0817	
18	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	05/10/1982	TP.HCM	0818	
19	Nguyễn Thị Vân	Quỳnh	08/05/1997	TP.HCM	0819	

20	Phạm Thị Như	Quỳnh	03/10/1998	TP.HCM	0820	
21	Trần Ngọc Như	Quỳnh	03/09/1997	TP.HCM	0821	
22	Trần Thị Huệ	Quỳnh	28/07/1994	Tây Ninh	0822	
23	Trịnh Như	Quỳnh	13/05/2000	TP.HCM	0823	
24	Tường Hương	Quỳnh	06/11/1997	TP.HCM	0824	
25	Kim Sa	Rinh	15/02/1990	TP.HCM	0825	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 34 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.3 - Từ SBD 0826 đến 0850)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Giang	San	08/11/1978	Đồng Nai	0826	
2	Nguyễn Hoàng	Sang	01/11/1983	Cần Thơ	0827	
3	Nguyễn Tấn	Sang	23/08/1987	TP.HCM	0828	
4	Phạm Trọng	Sang	20/01/2000	Đắk Lắk	0829	
5	Võ Thị Mỹ	Sang	14/02/2000	TP.HCM	0830	
6	Phạm Thị Ánh	Sáng	26/06/2000	TP.HCM	0831	
7	Nguyễn Minh	Sinh	11/10/1975	Đắk Lắk	0832	
8	Cổ Kim Phụng	Sơn	02/01/1982	TP.HCM	0833	
9	Hà Thái	Sơn	27/08/1999	TP.HCM	0834	
10	Hồ Hoàng	Sơn	10/02/1994	TP.HCM	0835	
11	Lê Hữu	Sơn	31/03/2000	TP.HCM	0836	
12	Lê Tấn Phi	Sơn	15/01/1973	TP.HCM	0837	
13	Nguyễn Danh	Sơn	18/03/1992	TP.HCM	0838	
14	Nguyễn Thanh	Sơn	16/08/1983	TP.HCM	0839	
15	Nguyễn Thọ	Sơn	01/05/1981	TP.HCM	0840	

ĐƠN
ẬT S
N QU

16	Nông Lâm	Sơn	11/09/1994	Đắk Lắk	0841	
17	Trần Hồng	Sơn	17/12/1999	TP.HCM	0842	
18	Trần Thanh	Sơn	28/01/1959	Khánh Hòa	0843	
19	Nguyễn Ngọc	Sơn	01/02/1994	TP.HCM	0844	
20	Lê Thị Tuyết	Sương	04/03/1997	TP.HCM	0845	
21	Tô Kiều	Sương	02/07/1996	TP.HCM	0846	
22	Nguyễn Minh	Tài	14/06/1984	TP.HCM	0847	
23	Võ Nhật	Tài	04/04/1999	TP.HCM	0848	
24	Nguyễn Văn	Tám	19/08/1976	Đà Nẵng	0849	
25	Cao Hồng	Tâm	22/07/1999	TP. Hà Nội	0850	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 35 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.2 - Từ SBD 0851 đến 0874)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Đỗ Huỳnh Thanh	Tâm	20/11/1987	TP.HCM	0851	
2	Hồ Thị Minh	Tâm	17/07/1995	Khánh Hòa	0852	
3	Nguyễn Kim	Tâm	19/12/1995	TP.HCM	0853	
4	Nguyễn Minh	Tâm	16/09/1983	TP.HCM	0854	
5	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	28/02/1997	Cần Thơ	0855	
6	Nguyễn Thanh	Tâm	10/03/1990	Đồng Tháp	0856	
7	Nguyễn Thanh	Tâm	25/07/1975	TP.HCM	0857	
8	Nguyễn Thị Băng	Tâm	26/10/1999	TP.HCM	0858	
9	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	13/10/1998	TP.HCM	0859	
10	Phan Chí	Tâm	20/06/1995	TP.HCM	0860	
11	Trần Minh	Tâm	10/01/1989	An Giang	0861	

12	Bùi Hiếu	Tân	10/05/1999	TP.HCM	0862	
13	Huỳnh Duy	Tân	19/11/1983	TP.HCM	0863	
14	Lâm Duy	Tân	05/05/1989	TP.HCM	0864	
15	Lê Hữu	Tân	19/05/2000	Cần Thơ	0865	
16	Mai Văn	Tân	21/06/2000	Lâm Đồng	0866	
17	Phạm Minh	Tân	24/04/1992	TP.HCM	0867	
18	Quách Minh	Tân	27/02/1999	TP.HCM	0868	
19	Vũ Nhật	Tân	20/09/1998	TP.HCM	0869	
20	Tăng Tôn	Tấn	02/07/1999	TP.HCM	0870	
21	Đình Văn	Thạch	26/11/1990	TP.HCM	0871	
22	Nguyễn Trần Ngọc	Thạch	26/05/2000	TP.HCM	0872	
23	Nguyễn Văn	Thạch	22/12/1987	TP.HCM	0873	
24	Phạm Ngọc	Thạch	21/11/1989	TP.HCM	0874	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 36 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.4 - Từ SBD 0875 đến 0898)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Võ Ngọc	Thạch	10/10/1985	Vĩnh Long	0875	
2	Bùi Quang	Thái	09/10/1999	TP.HCM	0876	
3	Đỗ Xuân	Thái	26/10/1975	TP.HCM	0877	
4	Lê Đình Hoàng	Thái	28/02/1998	TP.HCM	0878	
5	Lê Xuân	Thái	06/07/1992	TP.HCM	0879	
6	Nguyễn Thị	Thắm	12/06/1999	TP.HCM	0880	
7	Hồ Xuân	Thắm	16/12/1996	Khánh Hòa	0881	
8	Mai Văn	Thân	15/09/1994	Đồng Nai	0882	

9	Đoàn Văn	Thắng	10/03/1983	TP.HCM	0883	
10	Dương Vũ	Thắng	26/01/1987	TP.HCM	0884	
11	Lê Quyết	Thắng	16/01/1998	TP.HCM	0885	
12	Ngô Chiên	Thắng	17/01/1999	TP.HCM	0886	
13	Nguyễn Đức	Thắng	05/09/1973	TP.HCM	0887	
14	Nguyễn Ngọc	Thắng	14/02/1985	TP.HCM	0888	
15	Nguyễn Ngọc	Thắng	04/01/1995	Cần Thơ	0889	
16	Nguyễn Phúc Vĩnh	Thắng	03/07/1978	TP.HCM	0890	
17	Phạm Đức	Thắng	24/02/1987	TP.HCM	0891	
18	Phạm Minh	Thắng	18/10/1998	TP.HCM	0892	
19	Trần Hữu	Thắng	17/10/1995	TP.HCM	0893	
20	Huỳnh Ngọc Thiên	Thanh	13/10/1996	TP.HCM	0894	
21	Lê Thị	Thanh	10/04/1998	TP.HCM	0895	
22	Lê Thị Lan	Thanh	29/04/1970	Đồng Tháp	0896	
23	Mạch Nguyễn Duy	Thanh	01/10/1997	TP.HCM	0897	
24	Mai Trần Thanh	Thanh	01/11/2001	TP.HCM	0898	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 37 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.6 - Từ SBD 0899 đến 0922)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Đức	Thanh	31/03/1964	Lâm Đồng	0899	
2	Nguyễn Thị	Thanh	05/11/1981	TP.HCM	0900	
3	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	12/11/1999	TP.HCM	0901	
4	Trần Giang	Thanh	25/02/1995	TP.HCM	0902	
5	Trần Thị Thanh	Thanh	30/11/1994	TP.HCM	0903	

6	Võ Chí	Thanh	10/10/2000	TP.HCM	0904	
7	Bùi Tiến	Thành	26/06/1997	Đồng Nai	0905	
8	Đặng Trọng	Thành	02/08/1998	TP.HCM	0906	
9	Huỳnh Bá	Thành	16/08/1992	Cần Thơ	0907	
10	Lê Tấn	Thành	27/09/1973	TP.HCM	0908	
11	Nguyễn Đức	Thành	08/06/1991	TP.HCM	0909	
12	Nguyễn Hữu	Thành	20/11/1990	TP.HCM	0910	
13	Nguyễn Nguyên	Thành	01/02/1999	TP.HCM	0911	
14	Nguyễn Quốc	Thành	17/03/1976	Đồng Nai	0912	
15	Nguyễn Trung	Thành	12/10/2000	Cần Thơ	0913	
16	Nguyễn Việt	Thành	19/05/1996	TP.HCM	0914	
17	Phạm Công	Thành	10/06/1964	TP.HCM	0915	
18	Nguyễn Hữu	Thạnh	02/01/1993	TP.HCM	0916	
19	Nguyễn Hữu Gia	Thạnh	26/04/2001	Đà Nẵng	0917	
20	Đặng Thị Phương	Thảo	17/03/1989	TP.HCM	0918	
21	Hoàng Thị Thu	Thảo	16/06/1997	TP.HCM	0919	
22	Lê Thanh	Thảo	11/02/2000	Đồng Nai	0920	
23	Lê Thị	Thảo	10/02/1994	Tây Ninh	0921	
24	Lê Thị Thanh	Thảo	08/07/1987	Đồng Nai	0922	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 38 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.1 - Từ SBD 0923 đến 0946)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Mai Thị	Thảo	09/02/1997	TP.HCM	0923	
2	Nguyễn Linh	Thảo	01/11/2000	TP.HCM	0924	

VIỆT
M

3	Nguyễn Thị Bách	Thảo	14/04/1984	Đồng Nai	0925	
4	Nguyễn Thị Như	Thảo	14/03/1999	Đà Nẵng	0926	
5	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/01/2000	TP.HCM	0927	
6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/10/1997	TP.HCM	0928	
7	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/06/1999	TP.HCM	0929	
8	Nguyễn Trần Phương	Thảo	19/04/1999	Đồng Nai	0930	
9	Phạm Mai	Thảo	29/05/1995	Cần Thơ	0931	
10	Phạm Thị Thu	Thảo	02/09/1997	TP.HCM	0932	
11	Phạm Thị Thu	Thảo	10/05/1997	Đắk Lắk	0933	
12	Phạm Văn	Thảo	03/02/1998	TP.HCM	0934	
13	Tạ Phương	Thảo	09/01/1997	TP.HCM	0935	
14	Trần Ngọc Phương	Thảo	22/12/1999	TP.HCM	0936	
15	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	27/12/2000	TP.HCM	0937	
16	Trần Thị	Thảo	03/10/1996	TP.HCM	0938	
17	Trần Thị	Thảo	08/03/2000	TP.HCM	0939	
18	Trần Thị	Thảo	16/10/1988	TP.HCM	0940	
19	Võ Thị Thanh	Thảo	28/08/2000	TP.HCM	0941	
20	Lê Thời	Thế	08/02/1999	TP.HCM	0942	
21	Nguyễn Sỹ	Thế	24/11/1975	Đắk Lắk	0943	
22	Nguyễn Huỳnh Trúc	Thị	23/04/1999	TP.HCM	0944	
23	Nguyễn Minh	Thị	01/08/1996	TP.HCM	0945	
24	Nguyễn Thị Diễm	Thị	10/08/1991	Cần Thơ	0946	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 39 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.1 - Từ SBD 0947 đến 0970)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Hồ Trần Khải	Thiên	20/01/2000	TP.HCM	0947	
2	Lê Thị	Thiên	04/04/1994	TP.HCM	0948	
3	Ngô Đức	Thiên	19/02/1999	TP.HCM	0949	
4	Phạm Cao	Thiên	13/11/1997	TP.HCM	0950	
5	Cao Mỹ	Thiện	13/11/1982	TP.HCM	0951	
6	Lương	Thiện	10/09/1990	Tây Ninh	0952	
7	Nguyễn Thị	Thiện	23/08/1998	TP.HCM	0953	
8	Nguyễn Ngọc	Thịệu	30/03/1993	Đồng Nai	0954	
9	Nguyễn Phong	Thịnh	26/01/1995	Khánh Hòa	0955	
10	Võ Đức	Thịnh	01/02/2001	Vĩnh Long	0956	
11	Nguyễn Thị Huỳnh	Tho	24/09/1997	TP.HCM	0957	
12	Lê Thị Hồng	Thơ	27/10/1998	TP.HCM	0958	
13	Trương Ngọc	Thơ	13/06/1985	Tây Ninh	0959	
14	Nguyễn Văn	Thọ	14/11/1993	TP.HCM	0960	
15	Tô Thị	Thơm	10/06/1998	Tây Ninh	0961	
16	Hồ Đức	Thông	21/10/1996	TP.HCM	0962	
17	Nguyễn Trần Minh	Thông	23/04/2000	TP.HCM	0963	
18	Nguyễn Văn	Thông	30/11/1993	TP.HCM	0964	
19	Trương Minh	Thông	06/04/1999	TP.HCM	0965	
20	Đỗ Hoài	Thu	24/06/1976	Đồng Nai	0966	
21	Nguyễn Thị	Thu	15/10/1976	Đồng Nai	0967	
22	Nguyễn Thị Phương	Thu	09/11/1996	TP.HCM	0968	
23	Trương Thị Ngọc	Thu	04/11/2000	TP.HCM	0969	
24	Dương Tường Phượng	Thư	21/04/2000	TP.HCM	0970	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 40 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.3 - Từ SBD 0971 đến 0994)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Trần Anh	Thư	08/08/2000	TP.HCM	0971	
2	Nguyễn Minh	Thư	15/01/1989	TP.HCM	0972	
3	Nguyễn Thị Anh	Thư	03/09/1982	TP.HCM	0973	
4	Nguyễn Thị Minh	Thư	03/04/1999	TP.HCM	0974	
5	Phạm Quỳnh	Thư	30/03/2000	Lâm Đồng	0975	
6	Phan Bùi Thị Trang	Thư	03/12/2001	TP.HCM	0976	
7	Tiêu Bích	Thư	29/01/2001	TP.HCM	0977	
8	Trần Anh	Thư	08/06/1996	TP.HCM	0978	
9	Võ Thái Minh	Thư	25/05/2000	TP.HCM	0979	
10	Vũ Thị Anh	Thư	11/12/2000	TP.HCM	0980	
11	Đỗ Xuân	Thuần	29/11/1988	TP.HCM	0981	
12	Mai Lê Hòa	Thuận	12/07/1992	TP.HCM	0982	
13	Bùi Trí	Thức	05/10/1992	TP.HCM	0983	
14	Hoàng Văn	Thực	16/02/1995	Lâm Đồng	0984	
15	Đỗ Anh	Thương	13/05/1999	Đồng Nai	0985	
16	Đoàn Huyền	Thương	15/02/1996	TP.HCM	0986	
17	Hoàng Thị	Thương	01/02/1986	TP.HCM	0987	
18	Trần Thị Thanh	Thương	14/03/2000	TP.HCM	0988	
19	Cái Trần Thanh	Thúy	04/01/1998	TP.HCM	0989	
20	Đỗ Thị	Thúy	07/01/1983	Khánh Hòa	0990	
21	Nguyễn Thị Phương	Thúy	19/05/1986	TP.HCM	0991	
22	Tô Thị Minh	Thúy	08/02/1997	TP.HCM	0992	

23	Trần Ngọc	Thúy	12/08/1973	TP.HCM	0993	
24	Trần Phương	Thúy	16/03/1985	TP.HCM	0994	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 41 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.3 - Từ SBD 0995 đến 1018)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Thị	Thúy	10/04/1978	TP.HCM	0995	
2	Võ Thị Phương	Thúy	24/01/1999	TP.HCM	0996	
3	Lê Thị Phương	Thùy	22/11/1990	TP.HCM	0997	
4	Nguyễn Ngọc Như	Thùy	27/01/2001	TP.HCM	0998	
5	Nguyễn Thị	Thùy	11/12/1998	TP.HCM	0999	
6	Trần Thị Diễm	Thùy	09/02/1973	TP.HCM	1000	
7	Trịnh Nguyễn Thanh	Thùy	31/01/1979	TP.HCM	1001	
8	Lại Thị	Thùy	25/12/1981	TP.HCM	1002	
9	Lê Kim	Thủy	22/06/1991	Cần Thơ	1003	
10	Lê Thị Thu	Thủy	13/07/1079	Cần Thơ	1004	
11	Nguyễn Thị Bích	Thủy	18/08/1966	Đồng Nai	1005	
12	Phạm Thị Hương	Thủy	01/01/2000	TP.HCM	1006	
13	Phạm Thị Ngọc	Thủy	13/05/1995	TP.HCM	1007	
14	Phạm Thị Thu	Thủy	19/05/1997	Đắk Lắk	1008	
15	Tô Thị Bích	Thủy	19/12/1994	Cần Thơ	1009	
16	Hồ Cẩm	Thy	27/08/1995	TP.HCM	1010	
17	Huỳnh Nhật Xuân	Thy	23/11/1995	TP.HCM	1011	
18	Cao Huy	Tiên	18/12/1996	Lâm Đồng	1012	
19	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/08/1995	TP.HCM	1013	

20	Trần Thị Mỹ	Tiên	05/10/1999	Cần Thơ	1014	
21	Trần Thủy	Tiên	21/05/1999	TP.HCM	1015	
22	Đặng Anh	Tiên	22/11/1996	TP.HCM	1016	
23	Lê Văn	Tiên	19/08/1993	TP.HCM	1017	
24	Phan Phụng Đức	Tiên	08/06/1996	TP.HCM	1018	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 42 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.2 - Từ SBD 1019 đến 1042)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Võ Quốc	Tiên	23/06/2000	TP.HCM	1019	
2	Nguyễn Bích	Tiên	31/12/1991	Cần Thơ	1020	
3	Chu Văn	Tiếp	30/06/1984	TP.HCM	1021	
4	Hồ Đức	Tin	30/04/1990	TP.HCM	1022	
5	Dương Quốc	Tính	20/08/1984	TP.HCM	1023	
6	Nguyễn Khắc	Tính	09/11/2000	TP.HCM	1024	
7	Trần Văn	Tính	01/01/1991	Cần Thơ	1025	
8	Đoàn Xuân	Tinh	05/08/1980	TP.HCM	1026	
9	Nguyễn Văn	Tinh	10/05/1981	An Giang	1027	
10	Phạm Ngọc	Tinh	29/03/1999	TP.HCM	1028	
11	Trần Văn	To	12/09/1962	Vĩnh Long	1029	
12	Phạm Hồng Thanh	Toán	25/06/1987	TP.HCM	1030	
13	Đặng Vinh Phương	Toàn	22/04/1998	Đồng Tháp	1031	
14	Lê Văn	Toàn	01/11/1993	TP.HCM	1032	
15	Nguyễn Văn	Toàn	01/01/1984	TP.HCM	1033	
16	Tạ Minh	Toàn	12/01/1993	TP.HCM	1034	

17	Trần Ngọc	Toàn	21/05/1986	Đồng Nai	1035	
18	Trần Trung	Toàn	01/01/1992	Cần Thơ	1036	
19	Võ Văn	Toàn	19/09/1998	Cần Thơ	1037	
20	Nguyễn Thị Thu	Trà	29/11/2000	TP.HCM	1038	
21	Châu Thị Bích	Trâm	16/03/1994	TP.HCM	1039	
22	Hà Mai	Trâm	26/08/1991	TP.HCM	1040	
23	Lê Phan Huyền	Trâm	13/01/1997	TP.HCM	1041	
24	Ngô Thị Huỳnh	Trâm	03/09/1993	TP.HCM	1042	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 43 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.4 - Từ SBD 1043 đến 1066)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc	Trâm	20/10/1991	TP.HCM	1043	
2	Nguyễn Ngọc	Trâm	15/06/1998	TP.HCM	1044	
3	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	15/02/1997	TP.HCM	1045	
4	Nguyễn Thị Bích	Trâm	08/05/1986	Vĩnh Long	1046	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	31/05/1991	TP.HCM	1047	
6	Nguyễn Thị Phương	Trâm	26/08/1992	TP.HCM	1048	
7	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm	09/03/1999	Đà Nẵng	1049	
8	Cao Ngọc Bảo	Trân	03/11/1999	Cần Thơ	1050	
9	Đình Hoàng Bảo	Trân	18/09/1999	TP.HCM	1051	
10	Hồ Diệp	Trân	17/08/1977	TP.HCM	1052	
11	Huỳnh Thị Bảo	Trân	07/01/1999	TP.HCM	1053	
12	Lê Ngô Diễm	Trân	17/10/1999	TP.HCM	1054	
13	Phạm Thị Bảo	Trân	16/04/1999	TP.HCM	1055	

14	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/08/1997	TP.HCM	1056	
15	Lê Cảnh Quỳnh	Trang	16/10/1999	TP.HCM	1057	
16	Lê Thị Huyền	Trang	08/08/2000	Tây Ninh	1058	
17	Lê Thị Thu	Trang	26/08/2000	TP.HCM	1059	
18	Mai Nguyễn Hoàng	Trang	27/02/2000	TP.HCM	1060	
19	Nguyễn Thị Thảo	Trang	10/11/2000	Vĩnh Long	1061	
20	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/11/1993	TP.HCM	1062	
21	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/08/1999	TP.HCM	1063	
22	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/03/2000	TP.HCM	1064	
23	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/09/1987	TP.HCM	1065	
24	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/05/1989	Đồng Nai	1066	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 44 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.6 - Từ SBD 1067 đến 1090)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nông Thu	Trang	22/12/1989	TP.HCM	1067	
2	Phạm Thị Thùy	Trang	21/05/1989	TP.HCM	1068	
3	Phạm Thị Thùy	Trang	04/08/1997	TP.HCM	1069	
4	Phan Thị Quỳnh	Trang	23/04/1978	TP.HCM	1070	
5	Tô Nguyễn Thu	Trang	06/01/1999	TP.HCM	1071	
6	Trần Nguyễn Thu	Trang	29/11/1998	TP.HCM	1072	
7	Trần Phương	Trang	22/03/2001	TP.HCM	1073	
8	Trần Thị Mai	Trang	26/03/1984	TP.HCM	1074	
9	Trần Thị Thu	Trang	10/12/1997	TP.HCM	1075	
10	Trần Thị Thúy	Trang	28/04/2000	Đồng Nai	1076	

11	Trương Thị Thùy	Trang	09/09/1998	TP.HCM	1077	
12	Văn Thị Quỳnh	Trang	18/05/1998	TP. Hà Nội	1078	
13	Võ Thị Xuân	Trang	01/01/1984	TP.HCM	1079	
14	Nguyễn Minh	Trí	26/10/1994	TP.HCM	1080	
15	Nguyễn Ngọc	Trí	12/01/2000	TP.HCM	1081	
16	Phạm Minh	Trí	14/09/1999	TP.HCM	1082	
17	Hoàng Thị Thủy	Triều	16/02/1999	TP.HCM	1083	
18	Tô Nguyễn Quốc	Triệu	14/05/1999	TP.HCM	1084	
19	Bùi Thị Tú	Trinh	14/01/1981	TP.HCM	1085	
20	Cao Ngọc Phương	Trinh	21/04/2001	Đồng Nai	1086	
21	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	28/05/1995	Đồng Tháp	1087	
22	Nguyễn Thị Thúy	Trinh	18/01/1992	TP.HCM	1088	
23	Nguyễn Thục	Trinh	18/05/1999	TP.HCM	1089	
24	Tô Thị Mỹ	Trinh	16/02/1999	TP.HCM	1090	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 45 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.1 - Từ SBD 1091 đến 1114)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Công	Trịnh	15/04/2000	Tây Ninh	1091	
2	Đặng Hoàng	Trong	26/10/1980	TP.HCM	1092	
3	Đình Đức	Trọng	28/03/1994	Cần Thơ	1093	
4	Võ Lương Phương	Trọng	01/01/1973	Tây Ninh	1094	
5	Đặng Hồ Ngọc	Trúc	25/09/1999	Cần Thơ	1095	
6	Đỗ Nguyên Cẩm	Trúc	01/07/1994	TP.HCM	1096	
7	Nguyễn Thanh	Trúc	09/12/1990	Vĩnh Long	1097	

8	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/08/1996	TP.HCM	1098	
9	Tạ Quang Thạch	Trúc	27/11/1989	Đắk Lắk	1099	
10	Nguyễn Thị Minh	Trực	02/08/1998	TP.HCM	1100	
11	Phạm	Trực	03/12/1981	TP.HCM	1101	
12	Phạm Chánh	Trực	09/11/1988	TP.HCM	1102	
13	Bùi Công	Trung	04/08/2000	TP.HCM	1103	
14	Lê Minh	Trung	10/08/1989	Cần Thơ	1104	
15	Lê Quang	Trung	17/05/1996	TP.HCM	1105	
16	Nguyễn Chí	Trung	01/04/2000	TP.HCM	1106	
17	Nguyễn Đình	Trung	30/10/1998	Khánh Hòa	1107	
18	Nguyễn Thành	Trung	01/12/1998	TP.HCM	1108	
19	Trần Bá Nguyên	Trung	12/08/2000	TP.HCM	1109	
20	Từ Lê	Trung	01/01/1997	TP.HCM	1110	
21	Võ Văn	Trung	11/10/1976	TP.HCM	1111	
22	Huỳnh Quang	Trường	10/03/1983	TP.HCM	1112	
23	Nguyễn Xuân	Trường	12/06/1991	TP.HCM	1113	
24	Phạm Thị	Truyền	23/06/2000	TP.HCM	1114	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 46 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.1 - Từ SBD 1115 đến 1138)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Hà Đồng	Tú	16/02/1990	Đà Nẵng	1115	
2	Huỳnh Cẩm	Tú	02/01/2000	TP.HCM	1116	
3	Lê Thị Cẩm	Tú	08/02/1988	TP. Hà Nội	1117	
4	Nguyễn Minh	Tú	24/09/1998	TP.HCM	1118	

5	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	06/04/2000	TP.HCM	1119	
6	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	27/12/1997	TP.HCM	1120	
7	Nguyễn Tuấn	Tú	16/01/1996	TP.HCM	1121	
8	Trần Đình	Tú	24/10/1999	Đắk Lắk	1122	
9	Trần Minh	Tú	08/11/1996	TP.HCM	1123	
10	Trần Thy Thanh	Tú	25/09/1992	An Giang	1124	
11	Trương Thị Cẩm	Tú	02/04/1999	Lâm Đồng	1125	
12	Võ Hồng	Tú	18/03/1989	TP.HCM	1126	
13	Bùi Văn	Tuấn	18/02/1987	Đồng Nai	1127	
14	Đặng Anh	Tuấn	28/08/1988	TP.HCM	1128	
15	Danh Thanh	Tuấn	07/01/1991	Cần Thơ	1129	
16	Hồ Văn Hoàng	Tuấn	18/09/1998	Cần Thơ	1130	
17	Hoàng Ngọc	Tuấn	25/03/1976	TP.HCM	1131	
18	Lê	Tuấn	18/08/1974	TP.HCM	1132	
19	Lê Minh	Tuấn	24/10/1998	TP.HCM	1133	
20	Mã Hoàng Anh	Tuấn	21/02/1996	TP.HCM	1134	
21	Phạm Thanh	Tuấn	22/09/2000	TP.HCM	1135	
22	Trần Anh	Tuấn	14/12/1991	TP.HCM	1136	
23	Trần Công	Tuấn	20/04/1983	Đà Nẵng	1137	
24	Trần Minh	Tuấn	20/06/1982	Đà Nẵng	1138	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

**BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 47 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.3 - Từ SBD 1139 đến 1162)**

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trịnh Quốc	Tuấn	26/09/1982	TP.HCM	1139	

2	Võ Quang	Tuấn	16/03/1991	TP.HCM	1140	
3	Đào Khả	Tuệ	11/06/2000	TP.HCM	1141	
4	Lê Sơn	Tùng	09/04/1978	TP.HCM	1142	
5	Lê Thanh	Tùng	13/08/1992	TP.HCM	1143	
6	Ngô Thanh	Tùng	17/12/1991	TP.HCM	1144	
7	Nguyễn Thanh	Tùng	17/11/1984	TP.HCM	1145	
8	Phạm Hoàng	Tùng	26/06/1984	TP.HCM	1146	
9	Trương Thị	Tuyên	26/04/1998	Khánh Hòa	1147	
10	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên	06/09/1998	TP.HCM	1148	
11	Phạm Quang	Tuyên	24/10/1982	TP.HCM	1149	
12	Lâm Thị Kim	Tuyền	10/06/1996	Cà Mau	1150	
13	Lê Thị Kim Linh	Tuyền	07/03/1983	TP.HCM	1151	
14	Phan Minh	Tuyền	05/10/1987	Cần Thơ	1152	
15	Phan Thị Kim	Tuyền	20/07/1987	Cần Thơ	1153	
16	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	01/08/1995	TP.HCM	1154	
17	Trần Thị	Tuyết	23/08/1993	TP.HCM	1155	
18	Trần Thị Ánh	Tuyết	27/06/1985	TP.HCM	1156	
19	Trần Văn	Tỷ	03/09/1970	TP.HCM	1157	
20	Lâm Nữ Vân	Uy	12/09/2000	TP.HCM	1158	
21	Lê Châu Hoàng	Uy	30/04/2001	TP.HCM	1159	
22	Lê Phùng Thanh	Uyên	17/09/2000	TP.HCM	1160	
23	Ngô Hoàng Thảo	Uyên	03/01/1999	TP. Hà Nội	1161	
24	Nguyễn Mỹ Phương	Uyên	27/12/2000	Đà Nẵng	1162	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 48 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.3 - Từ SBD 1163 đến 1186)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Khánh	Uyên	21/08/1992	TP.HCM	1163	
2	Nguyễn Thị Thu	Uyên	07/07/1997	TP.HCM	1164	
3	Nguyễn Thị Thu	Uyên	16/01/2001	TP.HCM	1165	
4	Nguyễn Trần Bảo	Uyên	27/12/1993	TP.HCM	1166	
5	Phạm Bùi Phương	Uyên	26/11/2000	TP.HCM	1167	
6	Phạm Ngọc Mỹ	Uyên	06/10/1999	TP.HCM	1168	
7	Trần Thị Thảo	Uyên	11/04/1997	TP.HCM	1169	
8	Trần Yên	Uyên	18/08/1978	TP.HCM	1170	
9	Đinh Thị Thu	Vân	29/06/1995	TP.HCM	1171	
10	Huỳnh Thụy Thanh	Vân	15/04/1987	TP.HCM	1172	
11	Lê Thị Ngọc	Vân	23/07/2000	An Giang	1173	
12	Nguyễn Đức Ái	Vân	22/10/2000	TP.HCM	1174	
13	Nguyễn Ngọc Tuyết	Vân	20/05/1999	TP.HCM	1175	
14	Nguyễn Thị Thùy	Vân	05/10/1995	Đồng Nai	1176	
15	Trần Thị Bích	Vân	20/10/1992	Gia Lai	1177	
16	Cao Công	Vân	12/06/1997	TP.HCM	1178	
17	Lê Phạm Tú	Vân	02/01/1992	Cần Thơ	1179	
18	Nguyễn Thành	Vân	09/09/1967	Vĩnh Long	1180	
19	Mai Thị Thu	Vang	08/10/1987	TP.HCM	1181	
20	Võ Kim	Vện	17/04/1994	Cà Mau	1182	
21	Đào Thị Trúc	Vi	07/01/2000	TP.HCM	1183	
22	Hồ Gia	Vi	16/12/1999	TP.HCM	1184	
23	Nguyễn Thị Yến	Vi	06/02/1999	TP.HCM	1185	

SU
IG
J
OC
AM

24	Nguyễn Thị Yến	Vi	11/01/1999	TP.HCM	1186	
----	----------------	----	------------	--------	------	--

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 49 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.5 - Từ SBD 1187 đến 1210)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Tường	Vi	09/06/1993	TP.HCM	1187	
2	Thi Thoại	Vi	10/01/1992	TP.HCM	1188	
3	Nguyễn Nhạc	Viện	08/07/1996	TP.HCM	1189	
4	Trịnh Thị	Viện	14/08/1999	TP.HCM	1190	
5	Phan Đức	Việt	30/05/1995	TP.HCM	1191	
6	Trần Hoàng	Việt	26/11/2000	TP.HCM	1192	
7	Hà Tiến	Vinh	28/10/2001	Đà Nẵng	1193	
8	Lê Văn	Vinh	21/12/1984	TP.HCM	1194	
9	Nguyễn Cao	Vinh	14/09/1989	TP.HCM	1195	
10	Nguyễn Quang	Vinh	05/02/1999	TP.HCM	1196	
11	Ngô Đoàn Quang	Vũ	04/05/2000	TP.HCM	1197	
12	Nguyễn Cao Trường	Vũ	19/09/1999	TP.HCM	1198	
13	Nguyễn Đăng	Vũ	27/06/1999	TP.HCM	1199	
14	Nguyễn Lê Hoài	Vũ	28/12/1997	TP.HCM	1200	
15	Nguyễn Thanh	Vũ	20/10/1994	TP.HCM	1201	
16	Trần Ngọc	Vũ	12/07/1993	TP.HCM	1202	
17	Trần Thanh	Vũ	10/04/2000	TP. Huế	1203	
18	Nguyễn Văn	Vương	06/09/1991	TP.HCM	1204	
19	Chiêu Mỹ	Vy	02/07/1993	TP.HCM	1205	
20	Đặng Ngọc Tường	Vy	18/10/1975	TP.HCM	1206	

21	Huỳnh Nguyễn Tường	Vy	23/03/2000	TP.HCM	1207	
22	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	14/06/1993	TP.HCM	1208	
23	Lê Nguyễn Tường	Vy	19/05/1994	TP.HCM	1209	
24	Mai Thị Tường	Vy	15/04/1990	Đà Nẵng	1210	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.

BÀN THI THỰC HÀNH SỐ 50 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.5 - Từ SBD 1211 đến 1234)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Ngô Thị Tiểu	Vy	16/04/1998	TP.HCM	1211	
2	Ngô Thị Tuyết	Vy	30/05/1998	TP.HCM	1212	
3	Nguyễn Chúc	Vy	02/06/1992	TP.HCM	1213	
4	Nguyễn Đức	Vy	10/04/1989	Tây Ninh	1214	
5	Nguyễn Thị Thúy	Vy	03/12/1999	TP.HCM	1215	
6	Nguyễn Thị Tường	Vy	27/02/2001	Vĩnh Long	1216	
7	Nguyễn Thúy	Vy	02/03/2000	TP.HCM	1217	
8	Phan Tuyết	Vy	01/09/1998	An Giang	1218	
9	Trần Thị Yên	Vy	26/12/2000	TP.HCM	1219	
10	Võ Vũ Thúy	Vy	28/03/2000	TP.HCM	1220	
11	Đào Thị	Xuân	15/06/1997	Quảng Ninh	1221	
12	Lưu Khã	Ý	25/06/2000	TP. Huế	1222	
13	Nguyễn Quang Tiên	Yên	15/01/1999	TP.HCM	1223	
14	Châu Thị	Yên	05/01/1991	Đà Nẵng	1224	
15	Hoàng Thị Hồng	Yên	12/05/1999	TP.HCM	1225	
16	La Kim	Yên	05/10/1992	TP.HCM	1226	
17	Liêu Thị Hoàng	Yên	05/02/1998	TP.HCM	1227	

VIẾT

18	Nguyễn Hoàng	Yên	21/04/1999	Đồng Nai	1228	
19	Nguyễn Thị	Yên	29/11/2000	TP.HCM	1229	
20	Nguyễn Thị Kim	Yên	16/09/1994	TP.HCM	1230	
21	Phạm Thị Ngọc	Yên	31/12/1984	Gia Lai	1231	
22	Trần Thị Phi	Yên	09/03/1995	TP.HCM	1232	
23	Trịnh Hải	Yên	14/02/2000	TP.HCM	1233	
24	Trịnh Hoàng Phi	Yên	30/08/1999	TP.HCM	1234	

Lưu ý: Các thí sinh thi thực hành buổi sáng có số thứ tự từ 1 đến 17, buổi chiều từ số thứ tự 18 đến hết.